

P. L. 2507

Năm thứ 6-Số 66-67

刊月音圓

VIÊN - ÂM



VIÊN - ÂM NGUYỆT - SAN
ANNAM PHẬT-HỌC HỘI PHÁT HÀNH

1943

IN TẠI NHÀ IN ĐƯỢC TUỆ
73, Rue Richaud, 73

REPRODUCED

GIA 0\$25

ĐƠN XIN NHẬP HỌC

Tên tôi là . . . sanh ngày . . . tại . . . nghề-nghiệp (lớp mầy trường nào, hoặc làm việc gì, hoặc hội-viên số mầy khuôn nào, hoặc Hướng-đạo-sanh Đoàn nào, hoặc làm chức việc gì ở Khuôn Tịnh-độ nào (cần có vị Khuôn-trưởng nhận thiệp) . . . con ông . . . và bà . . . (chỉ các học sanh dưới 20 mới phải kê), hiện ở . . . xin theo học lớp dạy Phật-pháp tại trường Từ-Đàm mở từ 15 Juillet tới 15 Août 1944, theo hạng học-sanh . . . (lưu-trú, ăn tối, 15 ngày hoặc một tháng, ở ngoài) xin theo điều-lệ của trường.

Đến chiều ngày 14 Juillet 1944 tôi sẽ có mặt tại chùa Từ-Đàm (Đường Nam-giao Huế).

Xin đính theo đây Ngẫu-phiếu . . . nạp học phí và phạn-phi. Nếu học-sanh dưới 20 tuổi phải có cha mẹ hoặc người đỡ-đầu cho phép và chú thêm :

Tôi cho phép . . . , tôi theo học lớp dạy Phật-Pháp tại chùa Từ-Đàm.

. . . ngày . . . 1944 Tại . . . ngày . . . 1944

Ký tên

Học-sanh ký tên

Bức thư của Phan-văn-Hùm tiên-sanh gửi cho Ông Chủ-nhiệm báo Viên-Âm ở Huế

Tân-Uiên, le 17 Octobre 1943

Thưa Ngài,

Tôi lấy làm may-mắn được Ngài gửi cho số báo Viên-Âm có bài của Thầy Mật-Thê chỉ những chỗ lầm của tôi trong quyển sách « Phật-giáo Triết-học ». Tôi là kẻ học-trò còn tí học, về đạo Phật hầy còn dốt lắm, tất nhiên có điều sai lầm.

Tôi tin rằng Thầy Mật-Thê hiểu đạo Phật. Còn về sự biện chánh của Thầy không biết bao giờ tôi mới có thể xét lại được, vì muốn xét lại tôi phải đọc sách thêm, chưa biết là mấy năm nữa.

Tôi sẽ viết thư cho nhà xuất-bản Tân-Việt dán in thêm vào sách (nếu một mai có trùng bản) bài của Thầy Mật-Thê. Riêng phần tôi, tôi không nghĩ đến quyển sách đã ra đời rồi. Trân trọng chào Ngài,
P. S. Ngài có thể đăng thơ này lên qui-san. PHAN-VĂN-HÙM

BỒ-TÁT U'U-BÀ-TẮC-GIÓ'I

Nam-mô A-Di-Đà Phật.

Trong lúc Phật còn tại-thế tùy căn-cơ-thuyết pháp vô-lượng vô-biên, nên giáo-pháp lưu-truyền liền nay có chia ra hai phái là: Tiểu-thừa và Đại-thừa. Tiểu-thừa hoặc Thanh-văn-thừa là phép tu tiêu-cực, dứt trừ các phiền-não kiết-sử và thoát-ly Tam-giới. Còn Đại-thừa cũng gọi là Bồ-tát-thừa là phép tu tích-cực, chất-chứa những công-năng vô-tri-huệ và phước-đức, thiết chúng y tánh thanh-lĩnh-tâm và y như bản-thể rộng lớn của âm-ý tùy duyên hóa-độ chúng-sanh cùng tốt đời vị-lai.

Song như trong kinh Pháp-Hoa đã nói: « Chư Phật Như-lai dẫn giáo-hóa Bồ-tát chư hữu sở-tác thường y nhất sự, duy dĩ Phật chi tri-kiến thị ngộ chúng sinh », nghĩa là các đức Phật Như-lai chỉ giáo-hóa Bồ-tát, có làm điều gì, thường vì một việc, là cốt khai-hỉ cho chúng-sanh giác-ngộ tri-kiến của Phật.

Xem đó thì biết toàn-thể đệ-lữ Phật đều lo những gì Bồ-tát sẽ tu-hành thành Phật, và tất cả lời Phật hai-thị đều chỉ muốn cho chúng-sanh giác-ngộ và chúng Phật-quả.

Kinh Pháp-Hoa lại có câu: « Như-lai dẫn dĩ Nhất-thừa vị chúng-sanh thuyết-pháp », nghĩa là: « Như-lai chỉ lấy một Phật-thừa vậy, vì chúng-sanh thuyết-pháp ».

Xem như vậy thì biết tuy Phật phước-nguyện dạy nhiều pháp-môn, nhưng mục-lich đều để dẫn-diu lên cho đến Phật-quả.

Bản-nguyên của Phật hiện-thân thuyết-pháp chỉ để đưa chúng-sinh đến quả Phật, vậy bổn-phận của



một người đệ tử Phật cần phải phát Bồ đề tâm, tu theo Bồ tát thừa mới khỏi phụ công ơn Phật từ bi dạy bảo.

Bồ tát là tiếng nói tắt, nói cho đúng là Bồ đề tát đỏa, Tàu dịch là giác hữu tình, cũng dịch là đại tâm chúng sanh. Giác hữu tình là tự mình đã giác ngộ lại phát tâm đại bi cứu độ chúng sanh đồng được giác ngộ như mình. Đại tâm chúng sanh nghĩa là những hàng chúng sanh đã bỏ cái tâm hẹp hòi trong một thân, một đời, vô ý theo tâm-lãnh rộng lớn cùng ba đời, khắp mười phương mà tu hành phước đức, trí tuệ, tự-giác, giác-tha, cho đến quả vị Vô-thượng Chánh đẳng Chánh giác của chư Phật.

Nét theo nghĩa đó thì biết chẳng những các vị đã tu-chữ ý đạo-quả tự-giác giác-tha được gọi là Bồ tát, mà những người mới phát Bồ đề tâm quyết ý noi tâm lãnh rộng lớn mà tu tập những hạnh tự-giác giác-tha, tự-lợi lợi tha, cũng được gọi là Sơ-phát-tâm Bồ tát.

Phép tu theo Bồ tát thừa cốt ý theo tâm-lãnh m tu-tri, dù tại-gia hay xuất gia, ai ai cũng đều tu-tế được cả, nhân đó nên có thể chia ra hai hạng là Bồ tát xuất-gia và Bồ tát tại-gia. Hai hạng đó đi tu theo ba phép: giới, định, huệ mà thành chánh-quả.

Hôm nay tôi xin giảng riêng về giới-luật của Bồ tát tại-gia, tức là Bồ tát Ưu-bà-tắc-giới.

Ưu-bà-tắc là tiếng dịch âm, Tàu dịch là Tịnh-lĩ sĩ, hay là cận-sự-num, nghĩa là những người nài từ phát lòng chánh-tâm thường gần-gũi ủng-hộ các thiện-tri-thức, các bậc đại-đức tăng-già để duy-chánh-pháp. Giới-pháp của các Bồ tát tại-gia tại g là Bồ tát Ưu-bà-tắc-giới. Thông-thường các Ưu-bà-t chỉ thọ tam-quỹ, ngũ-giới, chứ Bồ tát Ưu-bà-tắc cần phải phát Bồ đề tâm mà thiết-hành tam-tụ-tin

giới là : Nhiếp-luật-nghi-giới, Nhiếp-thiền-pháp-giới, và Viên-ích-hữu-thanh-giới. Nhiếp-luật-nghi-giới là về phần chỉ-trì. Nhiếp-thiền-pháp-giới và viên-ích-hữu-thanh-giới là về phần iác-trì. Một vị Bồ-tát tại-già cần lập các giới ấy thì giới-thể mới được thanh tuyền. Theo U-đa-lã: giới kinh, một vị tại-già Bồ-tát cần phải đủ các điều kiện sau này :

- 1) Phải đủ chánh-tín và thắng-giải-tâm.
- 2) Phải phát Bồ-đề-tâm, lập đại-bi-nguyện.
- 3) Phải thọ-trì Bồ-tát-giới.
- 4) Phải tu-hành lục-độ, nhiếp-hóa chúng-sanh.

1) Thế nào là chánh-tín, là thắng-giải. Chánh-tin là lòng tin chân-chánh. Thắng-giải là sự hiểu biết đúng theo chánh-pháp. Chánh-tin và thắng-giải không thể rời nhau nhau. Một vị Bồ-tát cần phải tham-học giáo-lý, xét-nghiệm tự-tâm, phân-biệt-rạch-rõ chỗ chấp-chỗ vọng, đờng-chánh-nẻo-tà, phát-lòng-tin-ngưỡng-quyết-định đối-với-Phật-pháp, và phát-tâm-tu-chúng-Phật-pháp thì mới được gọi là đủ lòng-chánh-tin. Nhờ sự-tu-tập-Phật-pháp mà ngộ-được-sự-thực-của-vũ-tru thì gọi là thắng-giải.

Xem đó thì biết có thắng-giải mới có chánh-tin, có chánh-tin mới có thắng-giải : như quan-sát-được-thắng-giải mà lần-đời mới viên-mãn-tin-tâm, chùng-quả-Sơ-trú-Bồ-tát. Tu-Bồ-tát-thừa là một lối-tu-róng-lớn-lâu-dài, quả-vị-Phật là một quả-vị-Vô-thượng-Đài-giác. Nếu thiếu-tin-giải thì khó-thắng-nổi-các-nghịch-cảnh, các-lập-khi-chất-chứa-lâu-đời-trong-đường-tu-tiên.

Bồ-tát-phải-phát-tâm-lịnh-tin-đối-với-Tam-bảo :

a) Bồ-tát-tin-Phật, và tự-tin-cổ-thể-thành-Phật. — Bồ-tát-tin-Phật là một-vị-hoàn-loàn-giác

ngộ đủ nhất-thể-trí. Ngài đã tu hạnh Bồ-tát nhiều đời nhiều kiếp, đến khi xét cơ duyên thành-thục, Ngài mới hiện-thân ra đời làm con vua Tịnh-Phan xứ Ấn-độ, nhân thấy cảnh khổ giữa đời, xuất-gia tu-hành và thành Phật-đạo dưới cây bồ-đề. Bồ-tát nhận biết đấng Thích-Ca thành Phật không phải ngẫu-nhiên mà chính vì Ngài đã nhận rõ tâm-tánh rộng lớn bao-la, rồi phát Bồ-đề-tâm y như tâm-tánh ấy mà tu-hành tự giác giác-tha trong vô-lượng vô-số-kiếp, rồi mới thành Phật. Tâm-tánh đó chẳng phải riêng chi Phật, toàn-thể chúng-sanh đều có tâm-tánh như vậy cả, chỉ vì mê muội chấp ngã chấp pháp nên phải luân-hồi trong lục-đạo, chịu vô-lượng khổ-não một cách oan-uổng, rất đáng thương xót.

Chính khi vừa thành đạo, Phật đã có dạy : « Thương thay tất cả chúng-sanh đều có trí-huệ, đức tướng của Như-lai, chỉ vì nghiệp-chướng, vọng-lương điên-đảo mà không chứng-đặng ». Phật lại dạy : « Ta là Phật đã thành, các người là Phật sẽ thành ». Suy theo những lời Phật dạy thì biết Phật và chúng-sanh đồng một tâm-tánh, mê thì thành chúng-sanh, ngộ thì thành Phật, mà tâm-tánh không vì ngộ mê mà có sai khác. Bồ-tát tham học, nhận chắc có tâm-tánh ấy nên quyết định tự-lin, nếu phát tâm kiên-cố, lập nguyện bền-chắc, tu vô-lậu đạo-nghiệp thì tương-lai sẽ thành Phật-đạo.

b) Bồ-tát tin Phật-pháp, và nhận Phật-pháp tức là tâm-pháp. — Bồ-tát tin Phật-pháp là đèn sáng trong đêm tối, là ngón tay chỉ mặt trăng, ngoài Phật-pháp ra, không còn phương-pháp nào có thể đưa chúng-sanh đến bờ giác-ngộ. Trong 49 năm, khi Diêm-phù, khi Diêu-lợi, Phật tùy theo căn-cơ mà thuyết-pháp, khi thấp, khi cao, khi rộng, khi hẹp, in tuồng có nhiều pháp khác nhau, nhưng so với căn-cơ Bồ-tát chỉ thấy

pháp Phật dạy đều do tâm-tánh lưu-lộ, đều do tâm-tánh tùy-duyên mà hiện ra các ngôn-thuyết, để phương tiện dắt-dẫn chúng-sanh ngộ-nhập tâm-tánh, chứ không phải ngoài tâm-tánh là có Phật-pháp; Bồ-tát nhận biết toàn-thể Phật-pháp đều là phương- tiện phá trừ mê-chấp, đều là tâm-tánh tùy-duyên biến-hiện, nên y theo Phật-pháp mà tu-chứng tâm-tánh, y theo tâm-tánh mà tu-chứng Phật-pháp, nhận tâm-pháp tức là Phật-pháp, Phật-pháp tức là tâm-pháp, thường quán theo Phật-pháp mà thường không cố-chấp Phật-pháp, và y theo tâm-tánh rộng lớn bao-la mà tu học pháp-môn vô-lượng.

c) **Bồ-tát tin tãng, và tin chân-tục viên-dung, bình-đẳng bất nhị.** — Bồ-tát tin tãng là chúng Bồ-tát hiện đương tu-hành lục-độ vạn-hạnh để thành bậc Chánh-giác, là xuất-gia chân-chánh tu học Phật-pháp đủ phép lục-hòa. Bồ-tát tin tãng là phước-điền cho chúng-sanh, và đại-biêu cho ngôi Tam-bảo. Giác-lý bại-thừa tùy-duyên dung-hiệp, nếu không có các bậc chuyên-môn tu học Phật-pháp, duy-trì Phật-pháp thì khó bề giữ được thuần-tùy; nhân đó Bồ-tát hết lòng ủng-hộ Tăng-bảo trong đường tu học, hết sức trông mong Tăng-bảo xuất-sanh những bậc long tượng để dẫn dắt chúng-sanh trong đường tu tấn, để phá trừ ma-ngoại và đưa tất cả chúng-sanh về chánh-đạo. Bồ-tát lại biết muốn cho chúng-sanh tăng-trưởng đạo-niệm, thiều-dục tri-lúc, phải có chúng xuất-gia treo gương thiều-dự tri-lúc, tinh-tấn hành đạo, nên hết lòng hộ-trì giới-luật, hộ-trì Tăng-bảo chân-chánh thiết tu thiết học để hoằng-dương Phật-pháp, thiều-long Tam-bảo về sau Tại-gia Bồ-tát lại nhận biết vì phương tiện ứng-cơ, vì hộ-trì Phật-pháp nên phải có những bậc chuyên-môn tu học treo gương giới-hạnh cho đời soi chung, mà thiết ra tâm-tánh vẫn bình-đẳng không

đầu, không tịnh; Bồ-tát biết chân-đế tức là tục-đế, tục-đế tức là chân-đế, không ghét đờ những kẻ phá giới, không khinh rẻ những người chưa học, vì nhân toàn-thể chúng-sanh đều là những Phật sẽ thành.

Bồ-tát phát lòng tịnh-lin Tam-bảo như vậy, nên hàng ngày tin Tam-bảo nơi tâm-lãnh, tin tâm-lãnh của Tam-bảo. Bồ-tát quán-sát toàn-thể sự vật đều duy-tâm biến-hiện, thường bình-đẳng mà thường-sai khác, thường sai khác mà thường bình-đẳng, nên phát Bồ-đề-tâm lập đại-bi-nguyện, quyết định tu-hành thành vị Chánh-đẳng Chánh-giác.

2) Thế nào là phát Bồ-đề-tâm? — Phát Bồ-đề-tâm là phát-khởi chí-nguyện bền-chắc theo thế-tánh rộng lớn của tự-tâm. Là phát-minh cái bản-tánh thanh-tịnh đầy đủ tri-huệ, đức-lượng có thể thành-tựu Phật-quá. Tâm-tánh ấy xa lìa các sự mê-vọng, nên gọi là Bồ-đề, dịch là giác-ngộ nghĩa là giác-ngộ các điều, mê-làm che lấp tâm-tánh giác-ngộ bản-tánh thanh-tịnh diệu-dụng vô-biên của tự-tâm.

Chúng ta từ vô-lượng kiếp đến nay kỹ còn mê-muội vẫn-vơ luân-hồi trong lạc-đạo, chỉ vì chưa phát được tâm Bồ-đề, nghĩa là tâm giác-ngộ. Chư Phật nhờ sớm phát được tâm Bồ-đề nên y theo tâm-lãnh mà tu trì, chúng nhập tâm-lãnh, tự tại ra vào trong đường sanh-lữ hóa độ quần-sanh mà vẫn hướng pháp-lạc của Nhất-chân-pháp-giới. Bồ-tát rõ biết chúng-sanh với Phật cũng đồng một tâm, mê theo vọng-tướng thì gọi là chúng-sanh, giác-ngộ bản-tánh thì gọi là Phật; tuy mê ngộ in tưởng khác nhau mà tâm-thể vẫn không hơi không khác, vẫn sẵn đủ vô-lượng công-đức, vẫn bao-trùm cả pháp-giới, chẳng chút nhân-ngã lợi-danh, tham-sân phiến-não, vượt ngoài không-gian và thời-gian, vượt ngoài danh-tướng phân-biệt, dù ngộ cũng

không thêm, mà cũng không bớt. Tâm-tánh ấy tuy không hề thay đổi, nhưng có tánh tùy-duyên, nhân có tánh tùy-duyên nên theo duyên ó-nhiễm mà hiện ra các pháp thế-gian theo duyên thanh-tịnh mà hiện ra các pháp xuất-thế-gian; song tuy hiện ra đủ tất cả các pháp, mà pháp nào pháp nào cũng duy-tâm biến-hiện như huyền như hóa, không một pháp nào ngoài tâm mà có được. Bồ-lát quán sát như vậy mà phát Bồ-đề-tâm, nếu không mà thấy các pháp thế-gian và không nhân thấy thiết có ngã, có pháp, thiết có sanh từ luân-hồi, nhưng tâm rộng tư-tố độ-tha, thoát-ly tất cả khổ-ách. Lại Bồ-lát cũng không chấp-chước các pháp xuất-thế-gian, không nhân thấy thiết có các pháp nãi-thoát, thiết có tu có chứng, nhưng vẫn tu vô-lượng pháp môn để đoạn-trừ các tập-quán ó-nhiễm.

Bồ-lát xét rõ tâm-tánh vốn không tự không tha, không năng không sở, tâm tức là cảnh, cảnh tức là tâm, mình tức là người, người tức là mình, nên phát bi-nguyện rộng lớn, thành Phát-đo-sanh, hề thấy chúng-sanh khổ cũng như mình khổ, thấy chúng-sanh chưa giải-thoát cũng như mình chưa giải-thoát, cảm làm chịu vô-lượng khổ để giải-thoát cho chúng-sanh. Phát-tâm như vậy quý-hóa biết là dương nào, công-đức biết là dương nào. Ở thế-gian cũng lắm kẻ phát tâm, nhưng phần nhiều chỉ phát-tâm cầu-cạnh lợi-danh tìm cầu ngũ-dục; họ cũng có thể bỏ ra biết bao công của, kinh doanh năm bắc đông tây để tranh sự hơn thua, nhưng lối phát-tâm đó chỉ làm tăng-trưởng vong-nghiệp chúng-sanh, gây nên ác-nhân, rồi cảm lấy ác-quả, cầu vui mà được khổ, không lợi ích gì. Hàng Nhị-thừa phát-tâm chán khổ luân-hồi, cầu vui giải-thoát mà chẳng biết thêm-máy nhân-quả vì đâu, nên đực-hóa vẫn hẹp-hòi, không thể cứu-giúp đầy

đủ cho tứ ân tam hữu. Duy các vị Bồ-tát nhận rõ bản-lai tâm-tánh mới có thể y như tâm-tánh mà phát Bồ-đề-tâm, tu lực-độ vạn-hạnh cho đến khi thành bậc Chánh-đẳng-Chánh-giác, lợi-lạc quần-sanh.

Trong Ưu-bà-tắc-giới kinh, Phật đã dạy : « Người tại-gia phát được Bồ-đề-tâm đã vượt trên các quả-La-hán và Duyên-giác, và chính lúc phát Bồ-đề-tâm đã phá trừ được ác-nghiệp vô-thỉ như núi Tu-Di ». Mới phát Bồ-đề-tâm kết-quả đã được như vậy, hưởng nữa là dùng tâm ấy mà tu công-hạnh tự-lợi lợi-tha, công-đức thiệt là vô-biên vô-lượng. Do đó nên tu Bồ-tát hạnh cần phải phát Bồ-đề-tâm, Tại-gia Bồ-tát rất khó phát Bồ-đề-tâm, vì có ảnh-hưởng của hoàn-cảnh và tập-khí mê-làm thường muốn phát hiện, khó bề dứt trừ cho sạch. Nhân đó nên tại-gia Bồ-tát muốn phát Bồ-đề-tâm cần phải dùng đủ phương tiện : là thường gần-gũi thiện-hữu tri-thức, nghe theo lời dạy bảo mà siêng năng tu-hành, có xét người chỉ nên xem những đức-tánh tốt, dù có thấy tội-lỗi của người cũng chẳng nên nản lòng hóa-độ, thường quán các phiền-não ác-hữu là nhân-duyên đặc-đạo, vì có trải qua những nghịch-cảnh đó mới nhận biết các phiền-não tập-khí nơi tâm mình, và mới phát-tâm tu các thiện-nghiệp, sanh nhiều công-đức.

Một chánh-nhân quan-hệ hơn hết là lòng đại-bi. Muốn phát Bồ-đề-tâm mà không có, lòng đại-bi làm nhân thì chẳng khác muốn gặt lúa mà không gieo không cấy, quyết-định không thể thành-tựu.

Đại-bi là lòng thương rộng lớn ; chúng-sanh vô-lượng, lòng thương đó cũng vô-lượng, nên gọi là đại-bi. Bồ-tát thấy chúng-sanh chịu vô-lượng khổ : sanh-khổ, bệnh-khổ, lão-khổ, tử-khổ, cầu bất-đắc khổ, ái-bất-ly khổ, oán-tăng-hại khổ, ngũ-âm-xi-thanh khổ.

trong lúc chịu vô-lượng khổ, chúng sanh đã chẳng biết đường thoát khổ lại còn phá giới phạm trai, sát-sanh hại mạng, tham, sân, tật-đố, cứ tạo nhân khổ mãi. đến nỗi về sau phải đọa tam-đồ ác đạo. Bồ-tát thấy chúng-sanh đau khổ như vậy, lại biết rõ tâm-tánh của chúng-sanh vẫn là thanh-tịnh không có sống chết, không có phiền-não, đầy đủ vô-lượng tánh công-đức. nên phát lòng đại-bi thương xót cứu-độ để cho chúng-sanh khỏi chịu oan các sự đau-khổ. Xem đó thì biết lòng đại-bi của Bồ-tát là lòng thương bình-đẳng không có phân-biệt, xem toàn-thể chúng-sanh như cát ruộng, xương thịt của mình, không còn đối-đãi như lòng ái-nhiêm thế gian Bồ-tát nhờ lòng đại-bi như vậy, nên mới phát được Bồ-đề-lâm, lập chí-nguyện rộng lớn tu hành muốn hành muốn đức trong vô-hết vô-số kiếp, cho đến khi thành Phật. Một hạnh trong yếu nhất trong muôn hạnh là thọ-trì Bồ-tát-giới.

(Còn nữa)

PHƯƠNG-DANH

lục sinh Cao-đẳng trường An am Phật-lục



THỰC LÀNH VÀ ĐẸP

Hay là nỗi băn-khoăn của một
anh học-trò Triết-lý

Một hôm, có người bạn cũ, vì cảnh nhà phải ra đi làm sớm, đến thăm tôi, ngộ ý muốn mượn mấy quyển vở triết-lý để, theo lời anh, « thấy được cái nghĩa sâu-xa của cuộc đời, cái nguồn của mọi điều lành, điều đẹp ». Tôi thành thực bảo anh : « Chứ nghĩa để đi thi cả đấy anh à ; chẳng có gì đâu. Anh dờ ra có chịu khó tìm thi cũng chỉ được một kho ngữ-vực. Hồn sồi trong lòng sồi, ngọn cây bên vệ đường, còn giàu ý-nghĩa hơn trăm mở sách, người ta vẫn nói thế, anh chưa nghe sao ? » Anh ngữ-vực tưởng tôi muốn dấu ; tôi danh chiều lòng anh. Anh hý-hừng ôm tập giấy mực nhòe-nhọt của tôi đi, tôi trông mà thương hại. Nhưng đưa người đi rồi, mà lòng mình cũng chơi vơi.

Tôi bàng-khuàng nhớ đến năm học cuối cùng ở trường Khải-Định. Nhớ đến những phút sau giờ giảng triết-lý : thầy bạn đi rồi, tôi còn ngồi lại trong gian phòng trống-trải, tri mang-mãng, vì lòng quanh-quê khai-khạo. Chân lý, tự-do, luân-lý thiên-nhiên, bao nhiêu chữ kêu và rỗng !

Một lần, thấy ra bài, hỏi về nghĩa chữ « Thực ». Tôi không biết đã viết thế nào để kết-luận bài hôm ấy : làm xong bài tôi chỉ thấy nghi-ngờ và chán-nản.

Chữ « thực » cố-nhiên có nhiều nghĩa. Một củ sấm Cao-ly thực một tấm gương trông thiệt mặt, một câu nói thực-thà, một ý nghĩ đúng sự thực : cùng một chữ mà nghĩa mỗi lúc một khác. Nhưng hãy tạm bỏ qua, những nghĩa thông-thường để đứng về mặt tư-tưởng. Hiểu theo triết-học, « thực » là tinh-

cách của một ý-tưởng của một ý-tưởng đúng với hiện-cảnh. Hiện-cảnh ấy nhiều khi chỉ ở nội-tâm...

1) Hoặc là cảnh trong tri : tự tạo ra một cảnh riêng, trong đó lập ra một ý-tưởng : nếu trước sau hợp-nhất, ý ấy có thể cho là thực. « Không bao giờ có hai đường chạy song song mà không gặp nhau » ; không ai dám cãi ông Réemann về định lý ấy, vì ông đã-tưởng-tượng ra một không-gian hình cong và chỉ có hai bề.

2) Hoặc là cảnh trong tâm-tinh : đọc một quyển tâm-lý-tiêu-thuyết, ta so-sánh cân-nhắc với những tinh-cảm ta đã có hay có thể có ; thấy đúng, ta nhau lời sách là xác thực.

Song theo nghĩa thường dùng nhất, thực-tức là đúng với hiện-cảnh bên ngoài.

Anh với tôi cùng ngồi nói chuyện. Tôi bảo anh :

— Thằng chap ở Hanoi rét lắm.

Anh muốn trêu tôi, vặn lại :

— Có thực không ?

— Lại chả thực ! đắp chăn bông mà còn run !

— Tại ở ngoài ấy, anh ốm, tôi biết đâu.

— Ô, cái anh này ! hàn-thử-biêu có lúc xuống lời 5 độ.

— Ngô anh ốm, mắt quáng lên, trông nhảm thì sao ?

— Anh không tin, cứ hỏi bao nhiêu người ở Hanoi về mà xem.

— Họ làm như anh cả đấy.

Rồi, vì muốn trêu tôi, anh cứ cười loài.

Thế là trong câu chuyện nói chơi, triết lý dấy mà không biết ; vì triết-lý nhiều khi chỉ là tự trên lúc mình, tự đặt những câu hỏi oái-oăm để mong tìm thấy sự thật. Bây giờ đem câu chuyện nói chơi ấy dịch

ra lời triết-học, cũng được một mở lý-thuyết khá nhiều.

Từ xưa, ở Âu-châu, đã có lời ông Protagoras :
• Người là tâm-thức của mọi vật !. Nhưng mãi đến ông Kant, ý ấy mới thành một thống-hệ chắc-chắn. Trong quyển *Thiên-lý luận*, ông đi chứng rõ người không thể trực-nhận với ngoại-vật luôn luôn, tri-giác với những khuôn-khổ thời-gian và không-gian, lý-trí với những quan-niệm phạm, lượng, nhân, quả, xen vào như những chiếc lăng-kính đủ màu, che không cho người nhận được thực-thể. Vì thế, hiện-cảnh bên ngoài vẫn chỉ là hiện-cảnh trong tâm-trí ; và đúng sự thực chẳng qua là đúng với chỗ nhận xét của mình đấy thôi. Những lời biện-chứng chặt-chẽ của ông Kant đã làm rung-động cả nền tư-tưởng của châu Âu ; và tuy ông đã khéo tìm cách an-ủi người bằng những định-lý tiên-thiên trong quyển *Thực-liên-v-ly luận*, người ta không khỏi bàng-hoàng như có cái gì tau vỡ. Thì ra, từ bao giờ, người vẫn quanh quẩn trong vòng tư tưởng của mình, thui-thủt với nội-tâm chật-hẹp. Đó là một quán-trợ Y-pha-Nho : rất những thứ mình đem đến cả.

Sau ông Kant, còn nhiều quan-niệm khác về sự thực.

Theo các nhà xã hội học, người không bao giờ sống riêng ; mỗi tư-tưởng mỗi cử chỉ, đều do xã-hội chi phối và định đoạt. Một điều được cả quần chúng công nhận, tức là một sự thực.

Phải thực dụng của người Mỹ như ông William James lại cho sự thực chỉ là một khí cụ người đặt ra. Sự thực không phải là một ánh sáng trên cõi cao xa, hay một năng tiên rơi xuống giếng không biết tự bao giờ. Sự thực cũng không phải một vật gì huyền bí nằm thu hình trong sự vật, người phải chịu khổ vạch tới để đem ra ngoài sáng. Thực đối với ta, tức là chép đúng hiện-cảnh « đúng như in, như

lột. Nhưng phép tắc của Archimède ta vẫn gọi là ding mà nào có giống cái gì đâu. Nói cho rõ ràng, người ta không tìm thấy, nhưng người ta phát minh ra sự thực để cho dễ hành-dộng; để ngự trị vật-chất, hoặc để tô điểm tinh-thần. « Sức nóng làm dẫn các vật », người ta ghi điều đó là một sự thực, vì đã nghiệm rằng muốn tra vòng sắt vào bánh xe bò, phải đem nung sắt lên. Và tại sao nhiều người tin có một linh-hồn bất-diệt? Phải chăng vì lòng họ nhờ đấy được an-ủi?

Tuy nhiên ta vẫn còn thấy lớn vồn trong trí cái thực thể xa mờ của ông Kant.

Gần đây, triết gia Đức Edmond Husserl viết :

« Đã thực, tức là thực tuyệt đối; sự thực bao giờ cũng là một, đối với người, với quỷ, hay với thánh với thần đều vậy cả. Hai nhân hai là bốn; sự thực ấy bất di bất dịch; một người hay nhiều người nhận, nhận một lần hay nhiều lần, sự thực không vì thế mà thêm bớt; đấy cũng không phải là một giả-thuyết được nhận là đúng vì giúp ta được nhiều việc; ta nhận thấy rành rành là thế, ta chỉ bẳng vào hiện-nhiên, quyền tối cao trong việc hiểu biết ».

Song tôi thấy đây là một tiếng kêu hơn là một lời lý luận.

Thế mà nào đã hết bản khoán. Tôi thường nghe câu hát ru em : « Chợ Đông Ba đem ra ngoài đại, cầu Trường-Tiền đúc lại đúc đi, trai anh hùng kiến nghĩa bất vi, vua Hán Vương thái quốc, can chi mà anh giảng hoài ». Nghe mà thêm bồi hồi. Đã đành phải đem hết sức làm điều hay lành. Nhưng liệu có tự do mà làm không? Người là một ý muốn, một sức mạnh tự chuyển, hay người chỉ là kết-quả của hoàn cảnh, của di-truyền, và bao nhiêu ý tính phức tạp?

Giả sử có tự-do để hành động, thì điều lành là cái gì? Hay chỉ là một ước-lệ do từng nhóm người đặt ra để sống với nhau? Thiện bên Đông là ác bên Tây. Nhiều khi một con sông đã đủ ngẫu hai luân-lý.

Người ta bảo phải tìm đạo-đức trong thiên-nhiên, hòa hợp cùng thiên-nhiên mà sống. Nhưng chữ « thiên-nhiên » sao quá mù-mờ. Nếu thiện là hợp với thiên-nhiên, ác chẳng phải là sản-phẩm của thiên-nhiên đó sao?

Gần đây, nhờ khoa-học, có những luật thiên-nhiên. Người ta tự hỏi: Sao không đem cái sáng suốt của lý-trí vào cõi tinh-thần, sao đời sống của người lại không tuân theo thiên-lý? Luân-lý thông thường dạy ta phải yêu-thương; nhưng sinh-lý-học dạy trước mắt ta một cảnh đời tranh-đấu; không ngẫu ngại, ta phải theo đường cạnh-tranh, vì lý-trí ta đã nhận thế. Ta phải hoàn-toàn theo lý-trí, cho biết với làm là một, và dù đơm dờn đến đâu, phải xóa bỏ những tin-trởng mù-mờ xưa nay vẫn ấp-ủ lòng ta. Nhân đây mới có nền luân lý khác-khổ của Nietzsche: Người hời, hãy lạnh-lùng mà sống; lòng người phải giá như băng. Sắt đá mà tiến lên, tự luyện mình thành những bậc siêu nhân, mặc các kẻ yếu đuối bị guồng đời dè bẹp.

Song trong người tôi như có một sức muốn phản kháng, muốn nói như một đồ-dệ của Chestov: « Sự đời phải như thế, mà ta đành theo vậy, chẳng hèn lắm sao? Phải quật-cường, vượt khỏi-sự hiển-nhiên ». Bèn tại tôi vãng-vãng lời người xưa: « Nỗi đau thương của loài người còn nặng hơn cái ngoài biển cả ».

Thắc mắc thay! tôi muốn chống lại luật đời, mà tự thấy mình quá gượng-gào! Tôi muốn kêu với vai tuồng cổ: « Ta sống trong một thời bất-chối! ». Nhưng, tự thấy yếu hèn trước bao nhiêu sự đồ võ, tôi vẫn không đành bỏ cuộc, vẫn thâu nhắc lại câu của

Montherlant : « Tha mạng tiếng là hèn nhất còn hơn bị người cười là kèm sáng suốt ».

Tôi nhìn lên bàn, thấy nụ cười của pho tượng Phật Cái mỉm cười trong sạch, đầy khoái lạc lâng lâng. Còn tôi thì chứa trong lòng bao thắc mắc phiền toái, như chén nước đường quá đặc, chỉ chực lau là đông. Có lẽ muốn tìm sự thực, phải đem tới một lòng trong trẻo, giản dị hơn ; phải gạn học nhiều, phải đem hết tâm dầm và sáng suốt mà xua đuổi bao bóng ma lừ sặc vớ lộn vào. Sự thực có lẽ đơn giản lắm, nhưng chỉ đến với những tri, những lòng đơn giản.

Tôi nghe tiếng chuông ngân dài trong không. Tiếng rền vào tai, rung lá nhĩ, đưa lên óc ; và có một cái gì hờn nhiên cùng rung với tiếng chuông ngân. Chuông rung hay tôi rung, tôi không còn để ý nữa. Gắng ngừng lại giây lát trong nguồn cảm xúc mới, tôi thấy như rơi hết mọi bức rào ngăn cách thanh kiến, hình hài, xác thịt. Tôi thấy trong khoảnh khắc như đã thoát được mọi điều biến đổi. Lòng tôi vui vui như lúc tận hưởng một khúc đàn, hay lúc nhìn vào đôi mắt trong sáng của một đứa trẻ.

Tôi nhớ đến đời Phật. Đánh đổ bức thành giữa thế tâm và hiện-cảnh. Người đã đi đến sự thực. Gốc rễ vốn không hai, nên cùng một lúc Người đã tìm được đường hay lánh vì diệt được lòng tự-kỷ buồn-thảm và ác-độc. Bao nhiêu vọng-kiến, mê-tinh, bao nhiêu lý-thuyết trôi buộc chúng ta, và khiến chúng ta cách-biệt nhau, không chút gợn trong Phật-tâm rộng rãi. Tắm hình hài thường chia rẽ chúng ta thành từng xứ cô-đơn, đối với Người chỉ còn là một lợi-khi của tự-bi.

Và đời Người đẹp đẽ, vi-chính là khúc nhạc triển-miền của đời sống không ngăn cách.

THỜI-GIAN, SỰ-NGHIỆP

Không-gian và sự chuyển-động không thể rời nhau. Không có sự chuyển-động, không không-gian. Không có không-gian không chuyển-động. Mỗi vật tùy theo thể-chất của nó, có một sự chuyển-động, một đời sống, một thời-gian riêng : thời-gian của trăng, của sao, của mặt trời : thời-gian của vi-trùng, của tế-bào, của phù-du.

Chỉ có thời-gian riêng. Không có thời-gian chung của cả vạn-vật.

Nhưng muốn tiện lợi, người đời đã đồng nhau đặt ra một thứ thời-gian, lấy mặt trăng hay mặt trời làm tiên-quan. Thời-gian xưa, ấy là sự rút ngắn lại và duỗi dài ra, dưới ánh mặt trời, của bóng chiếu que cắm giữa sân, hay sự chìm dần của một cái hồ-đồng ngập nước. Thời-gian nay là sự quay tròn của hai cái kim đồng-hồ. Bỏ những vật ấy đi, có lẽ nhiều người sẽ mù-mờ trước hai chữ thời-gian.

— « Nhưng còn mặt trời đó và mặt trăng kia, làm sao không nhận ra được nghĩa thời-gian trong ấy » ? — Ừ, thì có mặt trời và mặt trăng thật đấy. Nhưng quay đi quay lại, rút được cũng chỉ có hai bề trăng đều : sáng và tối, đêm và ngày ! Mọc và lặn, cái cứ-chỉ lặp đi lặp lại ấy của mặt trời, tự muốn vạn đời với một ngày, nào có khác gì nhau ?

Nhưng có người lại cãi : — « Vâng, một ngày không khác một ngày, nhưng sau ba tháng, ta lại nghe đời một cảm-giác. Bốn mùa còn đấy, ta còn cảm nghe ấm rồi nực, mát rồi lạnh ? »

— Rồi sao nữa ! hay lại trở về bốn cảm-giác trước ? Bốn mùa qua, rồi bốn mùa lại. Trèo đường thời

gian chúng ta đi tới hay đi lui : trở về sau hay tiến lên trước ? Ở đây, thật ra, tới hay lui, sau hay trước cũng một nghĩa như nhau, không làm sao phân-biệt được. Tới là lui, đi là về. Hai đầu : trước với sau, cùng nhau giập mỗi thành một vòng tròn. Vô-thí vô-chung là ý ấy.

Phút trước qua rồi, phút sau lên lại ĐỀ nhận rõ sự vô-nghĩa của thời-gian, hay lắng nghe cuộc cãi vã bất-diệt của hai tiếng « tích-lắc ». Tiếng « Hết » bảo : « Tôi là hiện-tại, nhưng cũng là dĩ-vãng đây rồi ! Tiếng Tích sau tôi mới thật là tương-lai » Nhưng tiếng tắc lại cãi : « Tôi là Hiện-tại, nhưng cũng là Dĩ-vãng đây rồi ! Tiếng Tích kia mới thật là tương-lai » Dĩ-vãng, Tương-lai, Tương-lai, Dĩ-vãng tráo trở trong hai tiếng « tích tắc » !

Tóm lại : Cái kim nhỏ chạy đủ 2 vòng trên 12 khoảng, mặt trời chìm xuống phương Tây và rồi lại ở phương Đông : 30 hay 31 tờ lịch rơi vào đồ rác, chia bán lay ra lảnh những tờ giấy học đồ xanh ; bốn lần thay đổi y phục cho hợp bốn thời-tiết, ở những xứ ôn-dới ; móc vào chiếc đinh cũ một quyển lịch mới, vai trang pháo lau võ ở một vài nơi. Tất... bao nhiêu hình-dòng, cử-chỉ ấy đã chung hay rõ-rệt lên một thời-gian chung giữa sự chuyển-biến vô-cùng vô-tán của một không-gian vô-rừng.

Nhưng cái thời-gian chung nó nhân-loại đặt ra ấy, thời-không có lảnh cách gì chung cho ai. — Trừ cái đồng-hồ và quyển lịch. Có người lấy thêm đêm vào ngày ; có người lấy ngày làm đêm. Có người già khi chưa kịp trẻ ; có kẻ trẻ mãi cho đến lúc đây quan tài ! Không có thời-gian chung cho cả nhân loại. Chỉ có thời-gian riêng của từng người theo từng hoàn-cảnh. Một phút đời-chờ bằng một giờ hội-ngộ.

Một ngày vui qua như một tiếng pháo nổ. Một phút đau khổ dài tợ cả một vũ trụ đứng yên. Khi súng sừng khi gáp rúc là thời gian vụt bay theo cánh chim đôi bàng **Phê** cho Lamartine sống một trăm năm trên mặt hồ Lemane bên cạnh Elvire, nhà thi hào ấy cũng cứ **đầu-khẩn**:

« Ôi thời-gian ! hãy dừng cánh lại,

« Giờ ngọc vàng, xin hãy khoan bay ».

Cho nên, không có thời-gian chung cho cả vạn-vật. Cũng không có thời-gian chung cho cả nhân-loại. Chỉ có thời-gian riêng của từng tâm-trạng.

Chỉ có thời-gian riêng của từng tâm-trạng.

Thế mà sao lại có người giạt mình khi thấy năm qua ? Cởi cũi-chỉ ngạc-nhiên và kinh-hãi ấy thật quá nóng-nổi ! Sợ mau già chẳng ? — Làm già rất ít tại tháng năm ; nhưng rất nhiều là tại dự-vọng. Bao nhiêu người già trước tuổi ! Thân-hình mặng non của họ đã ê-chề, lụn-bại bởi đã làm tay sai cho bao nhiêu đời hồi. Làm như vậy, rồi trách thời-gian đã sớm đem họ đến mờ, có ai bắt công hơn thế nữa ?

Sao lại có người khóc cho đời mình, vì đã trên 30 tuổi mà chưa làm nên sự-nghiệp ? Làm như 30 tuổi là đã già lắm rồi, và đoạn đời trên 30 tuổi là không đáng kể nữa ! Ước lệ của người **dắt-ra**, năm tháng đã trở thành một mãnh lực có thể ràng-buộc người đến thế ? Ba mươi tuổi ! bốn mươi tuổi ! những danh từ trống-rỗng ấy đã có một bi-thuật ghê gớm làm bủn-rũn tay chân người ta đến thế ? Thành-kiến, thành kiến tất cả ! Thật ra không có một thời-hạn nào nhất định, đến đó người ta phải thôi đeo-đuổi sự-nghiệp.

Sao lại có người sợ đời mình quá ngắn? Sống một trăm năm chưa hẳn là nhiều. Sống vài mươi năm chưa chắc là ít. Chớ đem năm tháng mà tính số đời mình. Một trăm năm của người lười-nhác không bằng một ngày của kẻ siêng-năng. Sống làm chi cho nhiều đề chi quản-quanh trong khung ấy đáng điều: ăn ngủ, ngủ ăn...? Và đề một hôm, trước khi ngủ thảng tự giật mình tỉnh-khỏi, nhìn lại sau mình, thấy một khoảng thời-gian trống-rỗng, vì không-gian trong ấy họ đã sống, chẳng chút đổi thay, xê-xích. Dấu-tích quá, nghèo-nản, thời-gian đã phớt qua như một bóng chân ngựa!

Cho nên, sống 100 năm chưa hẳn là nhiều. Sống vài mươi năm chưa chắc là ít.

Không ai đem thời-gian lại cho chúng ta cả. Chính mỗi người chúng ta đã tạo ra một thời-gian riêng, cũng như đã tạo ra sự-nghiệp. Cũng như gì? Tạo ra sự-nghiệp tức là tạo ra thời gian rồi. Vì nhu chiếc kim đồng-hồ đánh dấu cho sự quay tròn của quả đất, sự hoạt-lộng của chúng ta đánh dấu cho sự thời-gian của đời chúng ta. Hoạt-động nhiều, tức sống nhiều, tức thời-gian hóa nhiều.

Ngày-thor thay những người xưa đã vào rừng tìm thuốc trờng-sanh. Không bao giờ gặp! Sống khác chết chỉ ở sự nhận-cảm và sự hoạt-động. Sống với một tâm hồn khó-khăn, một tinh-thần trống-rỗng, sống bao nhiêu thế kỷ cũng là thừa. Ai mong-ước gì đời sống của một cây đại-tho? Nó sống lâu, chứ phải đâu sống nhiều. Lòng mong-ước của chúng ta ít ở sự được sống lâu, nhưng rất nhiều là được sống rộng, sống mạnh.

Sa-thải những mầm xấu-xa có thể ung-độc sự sống; tâm phát-triển những ánh-tinh, những tư-tưởng đẹp-đẽ trong nỗi người, nghĩa là luôn luôn tranh-đấu, giữa mình với mình để vượt lên trên mình, đấy là sống mạnh.

Phải dần thành trí ngắn che Ta và người, liền-lạc nhau
qua những giây thán-mẫn, những sóng lạc quan, nghĩa
là vượt ra khỏi cái Tâm nhỏ hẹp để giao-hòa với cái
Tâm rộng lớn, đây là sống rộng. Một đời làm được
như thế, ta ở còn gọi sự-nghiệp gì có giá-trị hơn
nữa, còn một thời-gian nào quý-báu hơn nữa ?

Sự-nghiệp và thời-gian : nước và sóng. Nước mạnh
thì sóng nổi. Ôi ! nước vạn cảnh-tượng huy-hoang (1)
đã giàn vẩy trên mặt nước, thì ấy chỉ nhờ một sức
chuyển-ay.

Có lẽ dễ chuyển kịch, cô-vô tài-sức và lòng hăng-
hái của chúng ta, vạn-vật đã hiệp nhau tổ chức một mùa
xuân nọ, sau những ngày dài giá-lạnh.

Mùa đông giá cõi thế kia còn trời dậy được để
chuyển mình thành một chàng thanh-xuân 18, có sao
những chàng trai 18 lại muốn năm xuống giường bệnh
của người già ? Lòng chúng ta phải in theo cái gương
vạn-vật mà hăng-hái lên. Đứng nghĩ rằng một mùa xuân
qua là một mùa xuân mát mà buồn. Mùa xuân không
mất. Chỉ có người mau già, chết, vì đã lo nghĩ mà buồn
rầu không hiểu cách. Nét nhẵn tươi in dấu trước thán-
năm, vì chúng ta đã để những ngày buồn vô-cớ ăn mòn
qua những ngày vui hân-hỉ, vì chúng ta thường nói
mùa đông đã qua với những mùa đông sắp tới.

Hoa nở rồi, hương chấp-chờa bay trong gió ; bước
nhịp-nhàng vô cảnh diêu tiếu chim ca - Xuân đã về, mang
theo một bầu nắng hát rau dưới ánh ; áo màu tươi của
cảnh-hi-vật.

Có sao những vẻ hăng-hái của thiên-nhiên lại gọi
được trong nẻo chúng ta những nỗi lo-âu, buồn-chán !

VỖ BÌNH-CƯỜNG

(1) Cảnh-tượng huy-hoang của những làn sóng dậy.

ĐỜI NGƯỜI VÀ GIẤC CHIÊM-BAO

Chúng ta nhận đời này là thật, và nghĩ rằng giấc chiêm bao là giả dối, do ý tưởng tạo thành. Nhưng nếu ta đem cái « thật » và cái « giả dối » đó mà so sánh cân-nhắc nhau, rồi suy nghĩ cho chín chắn thì ta sẽ thấy rằng : sự thật vẫn ở ngoài cái « thật » và cái « giả-dối » đã nói trên.

« Mắt ta thấy được, lưỡi ta nếm được, mũi ta ngửi được, tay ta sờ được, tai ta nghe được, trí ta suy nghĩ và phán-đoán được, thì lúc ta say sưa trong giấc ngủ, cái « ta » của chiêm-bao cũng có đủ ngũ quan để tiếp xúc với ngũ trần của cảnh đó ; ta cũng vui, ta cũng buồn, cũng ăn uống, cũng chơi bời, cũng đọc sách ngâm thơ, cũng dành dặt ghét giận như lúc thức, nào có khác gì đâu. Nói thế, không phải là đặt cảnh chiêm bao lên ngang hàng với cảnh của hàng ngày lúc ta thức, và phân ra có đời sống ban đêm và có đời sống ban ngày như một vài nhà văn-sĩ về triết-lý của người Âu. Nhưng mục-dịch là ta phải tỉnh sáng lên đôi chút để nhận hiểu rằng đời này cũng chỉ là một cảnh mê trong những cảnh mê khác mà thôi.

« Cảnh của đời này là thật thì chỉ là cái « thật » của đời này, cũng như cảnh chiêm-bao là thật, thì chỉ là chỗ « thật » của giấc chiêm-bao ».

Nhưng có người lại nói rằng : Một đời người dài năm sáu mươi năm, có khi trên một trăm năm, đâu có đem so sánh được với giấc chiêm-bao nó chỉ ở trong một thời-gian ngắn-ngủ mười lăm, hai mươi phút, có lâu thì một hai giờ, hoặc nếu liên-tiếp suốt giấc ngủ thì cũng chỉ tám, mười giờ là cùng.

« Ta nên biết rằng, thì giờ chỉ là đối-đãi, chứ thật ra nào có nhất định đâu ; có loài sâu bọ có thứ chỉ sống có năm ba giây đồng hồ, nên đối với ta là ngắn-ngủ, nhưng đối với nó lại là một đời dài, có lẽ là hai mươi năm, là sáu mươi năm,

là trên một trăm năm ; nó cũng có thời-kỳ sanh, thời kỳ lớn, thời-kỳ già yếu, trước khi chết, như ta vậy, chứ đâu có khác gì.

Lại giấc ngủ ta có khi kéo dài mười giờ đồng hồ, nhưng lúc tỉnh giấc, ta có cái cảm-giác như nó ngắn chừng đôi ba phút và nếu không có ánh-sáng mặt trời, nếu không có đôi kim của đồng-hồ, thì có lẽ ta lầm nhận cái cảm-giác kia là thật !

Rồi đây ta sẽ kiệt-sức trên đường đời, và phải chán lúc ta nặng-nề lấy sức cuối cùng mà tri-niếu với cái chết, có lẽ ta mơ-màng tự hỏi « Đâu là đời sống của ta ? » những tiếng giờ ngày, tháng, năm có lẽ sẽ theo tri-nhờ ta mà chịu xóa nhòa trong lúc đó. Thật vậy, đời sống ta chỉ là một bong-bóng nước, nó vừa tưng lên thì liền tan ngay để nhường chỗ cho một cái bong-bóng khác thay vào rồi cứ liên-tiếp như thế mãi, mà chẳng ngừng, nào có nghĩa lý gì đâu mà ta bồng nhận là dài-kay ngắn.

Kết-luận, ta hãy nói rằng : « Nếu cái ta này, cảnh vật này mà gọi là thật, thì cũng vậy, cái ta kia, cái cảnh kia cũng gọi được là thật (thật theo nghĩa đối-đãi) và lúc sự-tình ta nhận được cảnh chiêm-bao là giả dối thì cũng vậy, đến chừng ta giác-ngộ được, thì đời này, cảnh này cũng chỉ là giả dối và huyền-hiện như cảnh chiêm-bao mà thôi.

Giác chiêm-bao ta đã nhiều lần ra khỏi, nhưng giấc mê ghê-gớm của những đời, những kiếp này, biết bao giờ ta thoát ra khỏi nếu ta không chịu thực-hành phương-pháp của đức Phật Thích-Ca đã truyền dạy.

PHAN-VÂN-HOÀNG



LÀM VIỆC, CHIA KHOA CỦA HẠNH-PHÚC

Đời sống trôi mau, gọi trong tâm-hồn người những ý-tưởng buồn dươi Ta cảm thấy giờ, ngày và năm...đi luôn không bao giờ trở lại. Ta cảm thấy một sức mạnh lôi ta mau đến cõi chết. Những kẻ phung-phi thì giờ trong những việc làm vô-ích, những kẻ không để lại một công cuộc gì để đánh dấu con đường mình đã đi, thì mỗi khi ngó lại dĩ-vãng bỗng cảm thấy tất cả nổi trống trải của những năm qua. Thời quá khứ không để một dấu vết gì trong tâm-hồn ; thời quá-khứ chỉ là một ảo-mộng.

Cho đến hiện-tại cũng như là ảo-mộng. Khi với thời-gian, con đường đời mất cả sự mới mẻ, khi những nỗi khó-khăn vất vả cho ta biết rõ lực-lượng kém hèn của ta ! Nếu trong đời sống đầy vật-chất, ta không biết đề len vào nhiều thì giờ tươi đẹp của trầm-suy mặc-tưởng (méditation) thì cảm-niệm ấy chua-chát đau lòng biết chừng nào. Chúng ta sẽ như những tù-nhân ngồi khoanh tay trên một chuyến xe tốc hành vùn-vụt chạy.

Các bậc hiền-triết cũng bị thời-gian lôi-cuốn đi, nhưng họ đã suy nghĩ và hiểu mọi sự chống cự đều vô-ích. Họ phải chịu theo một luật không thể sửa đổi được, nhưng họ cố gắng làm cho đời họ có vẻ dài thêm ra ? Muốn đạt đến mục-đích, họ không cho thời dĩ-vãng chìm hẳn đi. Họ biết rằng đối với những người đi qua không để gì lại, cảm-tưởng của đời sẽ đau-đớn, khó chịu vô cùng. Họ biết cảm-tưởng đáng buồn đáng chán ấy là « cửa riêng » cho bọn ăn không ngồi rồi, những bọn đại-các, những nhà chánh-trị bất-tài, để đời tản-mạn trong những việc làm vô-nhật, vô-ích, không có kết-quả chắc-thật.

Chỉ tránh được cảm-tưởng ấy, những người qui cả đời mình vào một lý-tưởng cao-đẹp. Những người cảm thấy đời

sống mình đầy đủ đời dào. Ở một nhà làm nông chăm-
chỉ, cảm-tưởng ấy đã rõ rệt ; ở một nhà văn ưu-ái, cảm-
tưởng ấy lại càng mãnh-liệt tung-bùng. Cứ một ngày đến
là công việc tiến-hành thêm nhiều bước chắc chắn và cuối
cùng của nhà văn như nhập vào việc làm lợi ích bất-diệt
của người.

Chỉ có việc làm vui vẻ bình-tĩnh và lợi-lạc mới có thể đem
đến cho đời người nhiều ý-nghị. Cảm-tưởng đời-dào mà người
ta thường gọi là « cảm mình sống » chỉ có làm việc mới
thật-hiện được

Lại nữa, đâu không đây-nhấy những sự ôu đẹp sáo
lạc, đời sống của những nhà tư-tưởng cũng trái hẳn với
đời sống vô-vị của những người không làm gì cả, vì họ
tránh khỏi được tất cả những chuyện bực tức nhỏ nhen,
những nỗi buồn vô-cớ thấp-hèn đè nặng lên những đời
sống trống-trải kia...

« Khi tôi đau ở Maer, tôi thật không làm gì cả. Sau
đó tôi có cảm-tưởng rằng không có gì khó chịu bằng sự
giải-dãi » (Darrein Août 1939).

« Khi một người lính hay một người nông-phu than-phấn
việc mình làm khó-nhọc, thì cứ bắt họ ngồi không đưng làm
gì cả » (Pascal).

Chính kẻ ở không tự phạt mình lấy, tự đeo hèn mình
một gánh buồn nặng-triu, đau-đớn. Hình phạt không tha
những người đồng tiền đời dào mà không có can-dảm những
tay trong một việc làm lâu dài bền bỉ.

Họ sẽ buồn bã chán nản, hay cố quên mình trong thú
vui nhọc-dục báo trước những nỗi đau khổ vô-ngần.

Nhưng không mấy ai ngồi không được luôn ; tâm-tri
nếu không nuôi những tư-tưởng cao quý thì sẽ dây rầy
những ý-tưởng thấp-hèn ; lòng tự-ái luôn luôn bị kích-
thích ; những phiền-não vô cùng đến kéo dài những ngày

buồn và làm mất giấc ngủ. Ngó gần, sự nhàn-hạ của kẻ dài các không đáng chúng ta thêm muốn.

Đối với người, hạnh-phúc khi nào cũng đi đôi với sự hoạt động. Tính biếng nhác sẽ làm hao mòn sức khỏe, và khiến hai bộ máy tuần hoàn và tiêu-hóa non hèn trăm trệ đi Tâm-trí bị mỗi một vì những ý nghĩ lạt-vật đen-tối. Còn ý chí thì bị xiêu-nát hẳn.....

Kẻ nhác đau khổ vì những việc làm mà một người siêng năng cho là thông-thường. Làm việc nghĩa là luôn luôn cố gắng... Sự cố gắng liên tiếp ấy là một phương-pháp hay để đào tạo một ý chí bền chắc.

Trong phần nhiều các việc làm bằng tay, tâm-trí có thể buông-lung tán loạn, chứ khi làm việc bằng trí thần và tâm cùng yên lặng; ý-nghĩ cũng như tình-cảm đều chảy theo một chiều, ngoan ngoãn và mạnh mẽ. Nếu ta biết nuôi dưỡng sức ta, nếu sau những phút thiêng-liêng làm việc hăng-hải nhiệt-thành ta biết yên trí trong những thú vui, ý nhị nhẹ nhàng, thì khi nào ta cũng tự chủ được mình ta và lĩnh tào luôn. Như thế ta đã tìm ra một cách gián tiếp chia khóa của hạnh-phúc, của thiên-đường.

Tiệc thay những người tầm-thường khéo khéo gọi với hai chữ làm việc tất cả những ý nghĩ buồn nản và đau-khổ. Trong tâm-lý-học có bằng cứ chắc chắn rằng sự cố gắng, miễn là đừng quá sức người, khi nào cũng đi đôi với sự vui vẻ.

Sự làm việc không phải chỉ làm cho đời ta thêm ý-nghị và ánh sáng, không phải chỉ giữ tâm-hồn ta bình-định trong sạch không gợn sóng vì những nỗi bực rọc nhỏ-nhẹn, sự làm việc còn thân mật đưa ta vào xã hội cao quý thanh nhã của những bậc hiền triết, của những nhà-thâm-thúy nhất cả thế-giới xưa nay. Trái lại, những kẻ biếng nhác cần có xung quanh mình một xã-hội thấp-hèn để cùng nhau giết thời giờ. Chúng bị nô-lệ một cách vật

và khổ-sở. Người làm việc được tự-do vì hạnh-phúc của họ hoàn toàn ở trong tay họ !

Đôi với Epistète, có nhiều vật hoàn toàn thuộc quyền sở hữu của mình, cũng như có những vật không phải của mình, chính những sự theo-dõi những vật không phải của mình đã đem đến cho người biết bao nỗi thất vọng đau-dớn.

Với thời-gian, tâm trí của người mở-mang thêm dồi dào thêm sự tiến bộ có vẻ chậm chạp nhưng bền bỉ chắc chắn, đưa họ đến một trình độ học thức tối cao, ở giữa sự kinh-miến của tất cả mọi người.

Nếu cảnh già cảm dân những nhục dục, lột rõ mặt thật của thú vui ích-kỷ, thì chính cảnh già cũng làm đời sống của những bậc tri-thức thêm vui, thêm dồi-dào. Với thời-gian, không một nguồn suối nào của hạnh phúc chân thật bị rơi cạn : khoa học, văn chương, cảnh vật, nhân loại.

Guinet trong *Esprit nouveau* viết rằng : « Tôi thấy cảnh già không chua chát như anh tưởng. Những năm mà anh hèn rãng đầy đau khổ, đối với tôi êm dịu hơn những năm của thanh xuân. Tôi tưởng đến một đỉnh núi già lạnh lẽo vắng, nhỏ hẹp, chìm đắm trong sương mù. Nào ngờ xung quanh tôi mở rộng một chân trời chưa bao giờ thấy. Tôi thấy rõ trong và ngoài tôi »

Thật vậy, đời của người làm việc là một đời đầy vui, một đời chắc thật ; còn đối với những kẻ ăn không ngồi đòi đòi chỉ là một ảo mộng vô hình. Sự làm việc siêng năng còn đào luyện cho ta một ý chí cứng cáp, nguồn gốc của mọi hạnh phúc chân thật. còn đưa ta vào xã hội thân mật tao nhã của các nhà tư tưởng thế giới, sau hết còn sắp đặt cho ta một cảnh già tươi sáng, giữa sự kính trọng của mọi người.

Quý hóa thay, thiêng liêng thay sự làm việc.

ANH ĐẠO-VANG

Chúng tôi vừa được đọc bản-thảo quyển « Anh Đạo Vang » mà tác-giả bạn Võ-dinh-Cường đã có nhã-ý cho chúng tôi xem trước. Thật là một áng văn mới, mới trong văn-chương Phật-Hóa, mới trong văn-chương nước nhà ; một điệu-nhạc có đạo-vị mà lý-thú, nhiều ý-nghị tâm-trăm ẩn dưới những câu văn giàu âm-điệu ; những bức họa lung-linh màu sắc.

Hơn nữa quyển « Anh Đạo Vang » là một nền tâm-hương nồng-đượm hương-vị ngọt-ngọt và tinh-khiết của một lòng tin nhiệt-thành và mạnh-mẽ. Và đáng đề ý nhất là tần đầu tiên. Ở xã ta, một nhà văn đã theo gót Clandel đem văn-chương, nghệ-thuật ra phụng-sự, tin-nao-ững của mình.

Nhưng phê-bình cho lắm cũng chỉ làm kém về trời, và nghe bao nhiêu cũng không thích bằng tự đọc lấy. Nghĩ như thế nên chúng tôi đã xin phép tác-giả trích đăng một vài đoạn sách ấy để công-hiến qui độc-giả trực tiếp thưởng-thức, trong lúc chờ-đợi tác-phẩm ấy in xong.

Chúng tôi thanh thật cầu chúc cho đóa hoa đầu tiên của Thời Phật-Giáo phục-hưng xã ta sẽ được đón tiếp niềm nở và nhiều nụ hoa khác, không kém hương-vị, màu-sắc, sẽ đưa nở trong buổi xuân tươi đang về.

LỜI TÒA SOẠN

THAY LỜI TỰA

KÍNH LẠY ĐỨC NHƯ-LAI

...« Con đến đây, quỳ trước điện Ngời,
đăng lên những lời thú tội ».

Kính lạy Ngài ! Như một đứa bé khát sữa được núm vú mẹ, như một kẻ bộ hành sắp bị cháy nắng trong sa-mạc được hợp xuống giữa khe nước mát, con đã say-sưa tìm lại những dấu-vết của đời Ngài qua các sách-sử. Và từ bao nhiêu lâu, con ấp-yêu cái mộng kiêu-xa là được ca-ngợi đời Ngài trên mặt giấy.

Nhưng ôi ! đời Ngài lộng-lẫy thế kia, huyền-diệu thế kia, nguy-nga thế kia, chỉ làm cho con ngáy-ngất, mê sa-đứng nhìn, mà không giúp cho con trong sự sáng-lúc. Như một người nghèo đứng trên thềm một dinh-thự lớn, con cảm nghe chạy khắp mình một luồng ớn lạnh khi

đi-điện với đời Ngài Kinh lay Ngài ! Ngài đã thấy nhiều
đứa trẻ nhát gan, tiến tới trước tượng Ngài, sợ-sét cúi
đầu xuống, đi theo sau bước chân của một người lớn ;
cũng ở trong tình-trạng tâm-hồn giống như thế, con đã
tìm những quyển lịch sử viết về đời Ngài của những bậc
đàn anh ở xứ này để kiếm một chút nương-tựa cho việc
biên-tập của con. Nhưng đi chán nản ! con chỉ tìm thấy
những vụn vè, những ngư-ngần, những kèm cỏi sắp lại
thành sách để dưới cái nhan-đề là đời Ngài ? Không,
con không thể tin rằng đời Ngài lại khô-khan, nghèo-
nàn về tình-cảm đến thế ? Con cũng không tin rằng
những ý-tưởng và hành-động của Ngài lại thiếu nghĩa-
lý, thiếu tự-nhiên đến thế ! Người ta đã diễn-tả lại đời
Ngài với những nét thô sơ, cứng-cỏi, buồn cười như một
nhóm-nhân ; và người đọc thiếu phán-đoán tưởng như
minh vừa xem một chuyện hoang-đường đặt ra để phỉnh
con nít. Kinh lay đức Thế-Tôn ! con đã xếp những quyển
sách ấy lại và xếp chúng ra như những vật nguy-hiểm.

Con đi tìm những quyển sách khác. Gần đây, Đoàn
Phát-Học Đức-Dục ra quyển « Phật-Giáo-Sơ-Học » có
một đoạn nói về đời Ngài. Tài-liệu trong ấy tuy ít nhưng
chắc-chắn, vì lấy trong lịch-sử Tích-Lan. Nhưng chừng
ấy chưa đủ. Con đi tìm những quyển sách ngoại-quốc
viết về đời Ngài. Quyển « Les paroles merveilleuses »
của Pierre Gey, quyển « Gotama le bouddha » của E.
H Brewster có rất nhiều tài-liệu có thể tin được. Nhưng
quí nhất là quyển « The light of asia » của thi-hào
Anh quốc Edwin Arnold. Chính con đã theo sát quyển
này, vì về tài-liệu cũng như về cách sắp đặt, nó có thể
phân-chiếu được một đôi phần đời siêu-việt của Ngài,
không hai trong nhân-loại.

Nhưng nói như thế không phải có nghĩa là quyển sách
cũu con đã hoàn toản. Xa cái ý ấy chính hôm nay con đến
đây, quí trước điện Ngài, cốt để dâng những lời thủ tột

Kính lạy đức Như-lai ! Trên hai ngàn năm trăm năm, bao nhiêu lớp người trời sụp ; bãi bể nương dâu đã mấy lần thay đổi : những vết-tích đã xóa-nhòa trong tri-nhờ của người, những nét chữ đã lu-mờ trong sách sử. Di-tích của Ngài, tuy được giữ-gìn trong các đền-chùa, cũng không khỏi lấm mầu sắc của thời-gian. Tài-liệu bị mất-mát, sai-chạy nhiều. Cho nên làm sống lại đời Ngài, thời-đại xa-xa của Ngài, những tục-ê, lễ-nghi cách ăn-nói giống hệt thời ấy, đây là một việc không bao giờ con dám cả-quyết thêm, mỗi sử-gia đều dựng về một phương diện, khi viết đời Ngài. Tuy những điểm-chính thì không ai có thể làm sai chạy đổi thay đi được, nhưng những chi-tiết thì mỗi người thấy mỗi cách theo mỗi quan-niệm của họ. Người thuộc phái Đại-thừa nhìn đời Ngài với cặp mắt khác người thuộc phái Tiểu-thừa ; nhà khảo-cổ nhìn đời Ngài không giống như tâm-lý. Lạy Ngài, con đến quá chậm : Ngài nhập-diệt lâu rồi, và mỗi người trong bày mỗi cách hình-ảnh của Ngài theo tâm con mắt và sự hiểu biết của họ. Con lựa hình-ảnh nào đây cho giống Ngài nhất ? Theo nhà tâm-lý chăng ? — Ôi nhiều : « vì trạng-thái tâm-hồn...thế này thế kia », nhiều : « vì hoàn cảnh thế này, thế khác » qua ! Theo nhà khảo-cổ chăng ? — Ôi ! khô-khan ! Tên người, tên xứ, tên núi, tên sông ! Cái bia ấy dựng lên từ lúc nào, cây Bồ-đề kia có lẽ mới trồng lại ! Theo phái Tiểu-thừa chăng ? — Không, con không muốn thấy sự hẹp-hòi ! Con không thể tưởng-tượng được Ngài chỉ là người của một thú, của một xứ. Ngài, đây là hiện thân của không-gian vô-cùng và thời-gian vô-tận. Như thế thì lẽ ra theo phái Đại-thừa mà viết đời Ngài là phải làm Nhìn Ngài qua cặp mắt của một vị Bồ-tát, ôi đẹp-đẽ và cụn-đáo biết bao ! Ngã ! một nốt là phải dùng nhiều tượng-trung quá ! Thời-đại khoa-học này người ta nhìn đến đâu cũng thấy loạn vật-chất ! Nước, đây là H₂O ! Ham quy

cuồng trong ngôn-ngữ bị ám-ảnh bởi những công-dụng của vật-chất, người ta không tìm thấy nữa cái ý-nghĩa ẩn trong mỗi sự-vật « Đất chuyển-động mấy lần khi Ngài xuất-thế » ; « Con rồng đến quán quanh Ngài bầu vòng khi Ngài bị Ma-vương đeo chuỗi dưới gốc bồ-đề » như thế là nghĩa làm sao, nào có ai có tìm mà hiểu ! Và khi xem xong, người ta vội xếp sách lại, phê bình một câu rất có vẻ khoa-học : « Hoang-đường » ! Xưa, người ta dùng một danh-từ, một hình-ảnh để tượng-trưng cho một ý-tưởng ; bây giờ, một danh-từ, một hình-ảnh không đi xa hơn một hình-ảnh hay một danh-từ ! Lay Thế-lớn, có phải lòng người đã nóng-nổi đến thế không ? Hay chính sự ngu-muội của riêng con đã tưởng lầm đến sự ngu-muội của nhiều người ! Nếu thật con đã nghĩ lắm, thì thêm một lần nữa, con xin Ngài tha-thứ cho tội vu-khống của con.

Nhưng đã lỡ rồi ! Vì sợ hãi chữ hoang-đường của đọa-giá, con đã để vào đây rất ít tượng-trưng và thần bí, rất nhiều trong các sách khác. Và như thế, nghĩa là đã làm giảm bớt rất nhiều tinh-diệu, sao-thâm, lợ-g-lấy, của đời Ngài. Con đã để đời Ngài ra ngoài vòng hào-quang huyền-diệu đáng lẽ phải bao-phủ lấy Ngài. Và để lấp bớt cái khuyết-diểm lớn-lao ấy, con đã thế vào một chút văn-chương, một chút nghệ-thuật : ở đây một lan hương, ở đây kia một điệu nhạc, ở nơi khác một tia nắng đợi hay một cánh bướm vàng... ..

Nhưng văn chương, nghệ-thuật đâu sao, cũng chỉ ở trong phạm-vi của người. Ngài là bậc siêu-phàm, hiện-thân của cao-cả, của Thuần-lý, của linh-diệu. Con, một kẻ phàm-phu, vương mình lên không khỏi đất ; mắt đóa trong bụi dỏ, làm sao thấy rõ được những cảnh-tượng huyền vi ; trởi con ngần quở chỉ bập-bè lại những phép âm mà xưa Ngài đã phất ra từ Ấn-độ và bây giờ còn vang dội mãi trên hoàn-cầu ; tại con vọng-về thế này thì làm sao tung ra được những luồng ánh sáng ? Thừa đức

Như-Lai, đời Ngài là một biền-cổ, mà nước nước con chỉ có hai bàn tay !

Cho nên mục-dịch của con khi viết quyển sách này rất nhỏ hẹp. Không phải làm sáng đây cái xứ Ấn-độ 2500 năm trước ; không phải diễn-lá đúng theo từng lý từng tỷ đời của Ngài — Ôi ! làm thế nào được ! Không làm việc của một nhà kháo-cổ, hay nhà tâm-lý ; không phải đứng trong phạm-vi hẹp-hòi của một kẻ mê-tin đầy thành kiến. Con chỉ là một kẻ thấy đời đẹp-đẽ cao-thượng của Ngài mà sung-mở và muốn đem giới-thiệu với mọi người đời Ngài, mà mỗi ý-tưởng là một ánh sáng chói ngời, mỗi lời nói là một bài học quý báu, mỗi cử-chỉ là một ý-nghĩa cao-thâm. Nếu độc-giả, sau khi đọc xong quyển sách này, hay khi đứng trước tượng Ngài, cảm nhận được đây là hình-ảnh của lòng từ-bi, hiện-thân của ý chí dũng-mãnh, của trí-tuệ sáng suốt, thì ôi, sung-sướng — con đã đạt được mục-dịch.

Kính lạy đức Như-lai, hỡi nay công việc đã xong xuôi, đốt nén hương tín-thành, con đến quỳ trước điện Ngài, xin dâng quyển sách này lên Ngài chứng-giam.

Vậy là tất cả lòng con, đây là cả trí-óc của con. Để phở-bày một chút tâm-hồn thâm-diệu của Ngài, con đã đặt tất cả tâm-hồn con vào đó. Con đã giở những giọt nước mắt nóng trên trang giấy khi con tưởng-tượng lại những giọt nước mắt sửa Ngài đã giở trên những vết-thương của nhân-loại ; con đã vui-sướng dầu chỉ là một nỗi vui-sướng thô-kết theo với nỗi vui-sướng tinh-khiết của Ngài, khi Ngài tìm ra được ánh sáng dưới gốc Bồ-đề ..

Thưa Thế-Tôn, vì bao nhiêu tâm-huyết và lòng thành thật của con, con xin Ngài hãy lượng xét mà xóa bỏ một ít những lỗi-lâm và vụng-dại mà con có thể mắc phải khi viết quyển sách này.

Nam-mô Bản-Sư Thích-Ca Mâu-Ni Phật

VÕ-ĐÌNH-CƯỜNG (8 Août 1943)

CHƯƠNG THỨ II

HAI CUỘC THI

...Sáng hôm nay khắp các đường trong thành Ca-tỳ-la, và các thành lân-cận lính nhà vua mỗi người mang một cái trống, vừa đánh vừa rao.

« Mời các công-nương, mỹ-nữ ! tối nay tại cung Hoàng-thượng có mở một cuộc thi sắc đẹp. Mời các cô các bà hãy đến dự cho đông. Thái-tử sẽ chấm cuộc thi, mỗi người sẽ được một giải-thưởng. Và giải-thưởng qui nhất sẽ tặng cho người đẹp nhất. Mời các công-nương mỹ-nữ ! »

Tiếng rao lanh-lảnh lọt qua rèm, tìm các cô thiếu-nữ đập mạnh trống lồng ngực thon theo với tiếng trống thúc-giục ngoài đường. Những làn da tuyết ửng hồng, những làn da nâu ửng đỏ, vì máu chạy mau thêm trong các huyết-quản. Mắt các cô đang xa-xăm bỗng bừng sáng lên vì một ý nghĩ : « Ô, được Thái-tử chấm thi ». Thế là ngày ấy họ lạng-xăng trang-diêm để kịp tối vào cung.

Nhà vua mở ra cuộc thi không phải không duyên-cớ. Thái-tử Tất-Đạt-Đa đã 18 tuổi rồi. Trên nét mặt ngày-thơ trong sáng như gương nước mùa xuân, thường lộng thoảng một áng mây buồn. Mỗi lúc gặp con, vua cha liếc thấy, không khỏi không liên-tưởng đến lời thầy đoán xira.

Một hôm, Ngài hỏi triều-thần lại rồi phán bảo : « Các Khanh còn nhớ lời của Đạo sĩ A-Tư-Đà nói về Thái tử Tất-Đạt-Đa chớ ? Lòng Trẫm mong rằng lời đoán thứ nhất thực-hiện, nghĩa là Thái-tử sẽ làm mở vị đại-sư-ông, nhưng đề ý ma xem, thì chứng như Thái-tử sẽ bỏ ngôi báu mà ra đi. Đi đâu, Trẫm cũng chẳng biết ; nhưng sao lại ra đi, bỏ lại bao nhiêu công-trình qui-giá mà mấy mươi đời các tiền-triều đã ra công gây-dựng ? Trẫm hỏi

các Khanh lại đây là cốt ý nhờ các Khanh tìm cho Trâm một cách gì để giữ Thái-tử lại và đưa về con đường của tiên-lữ ».

Một lão-thần đứng dậy tâu :

« Tâu Hoàng-thượng chỉ có lưới tinh là vay được Thái-tử. Ngân vạn sợi giầy đồng không buộc nổi những ý-tướng phiêu-lưu, mà một sợi tóc của mỹ-nhân cũng đủ giữ lại dễ như bỡn ».

Bá quan đều tán-thành lời tâu của lão-thần. Nhưng Tịnh-Phạm-Vương lại phán : « Đàn bà thì chẳng thiếu gì, nhưng cái đẹp tùy theo mỗi người mỗi mắt, Trâm biết con Trâm thích ai mà lựa »?

— « Như thế, tâu Hoàng-thượng, thì nên bày ra cuộc thi sắc đẹp cho toàn cả triều-thor trong nước dự. Thái-tử sẽ chăm lấy hoa-khôi. Và hoa-khôi ấy sẽ là vợ của Thái-tử.

Thế là theo lời tâu, vua mở cuộc thi sắc đẹp. Trời chưa hẳn tối, đèn-trong hoàng-thành đã nổi ánh sáng của ban ngày. Qua vòm cửa Hoàng-thành, nhẹ trôi một giòng muôn sắc. Đây là tất cả những mỹ-nữ của cả một nước hiệp lại để làm vui lòng một người. Đây là nơi tụ-hội của nhiều lối trang-sức khác nhau để đến một mục-đích chung là làm đẹp lòng người vương-giả. Trên những làn tóc óng ả đã chải-chuốt công-phu, họ phủ lên một mảnh lưới mịn và mỏng như tơ trời và trên những ánh da ngời, những khỗ lụa mịn như phấn, quấn quanh vài vòng, làm nổi bật những tấm thân cân-đối như những tượng-thần Hy-lạp, và chảy xuống lặn đôi gót chân thon, dẽ, mỗi nhịp bước đi là gợn lên những làn sóng cong và mềm như những lưới nước liềm bờ.

Họ lần lượt đứng ngang trước mặt Thái-tử, hai mắt to và đen nhìn xuống mũn giầy, những ngón tay bóng láng, vì mới nhuộm dầu, và suông sắn như những đợt lái-

đường kéo lên một chéo áo để khỏi vướng bước chân đi. Nhưng sao những cỗ chân tròn-trĩnh có đeo vòng kia lại cứ ngấp-ngừng như sợ đạp phải một cái gì tôn-nghiêm thế? Khi họ đến trước mặt Thái tử để nhận một giải-thưởng trao từ tay Ngài, họ hạ đầu xuống thụp một chút nữa, để lộ nút ruồi bằng sơn bóng loáng giữa hai hàng mi cong. Sau khi đã nhận lãnh một món đồ, họ rào bước mau ra một oai linh gì làm cho họ ngộp-ngộp, khi họ đi ngang trước Thái-tử. Hễ một nàng nào được hoan-hộ đẹp hơn những kẻ trước, nàng ấy đứng lại bỡ ngỡ nhìn quanh, không biết đây là những tiếng khen tặng mình hay một kẻ sau vừa đến: dưới sự cao cả, điềm đạm mà oai-nghi của Thái-tử, các nàng mất hết tự hào, thấy mình nhỏ-nhoi và thấp-hèn quá. Họ cảm nghe như đi lạc vào một thế-giới không phải để cho mình. Và cứ như thế, một nàng qua tiếp theo một nàng đến, một vẻ đẹp theo sau một vẻ đẹp, và cứ như thế họ đi qua... với nhan sắc của họ. Không nàng nào có thể làm gợn dấy một lượn sóng tình trong lòng người con trai mười tám đang khao-khát vô-biên và vĩnh-viễn. Không một sợi tơ luyến-ái có thể vướng-vit Ngài với những con bướm vừa mới lướt qua. Nhưng khi giải-thưởng cuối cùng đã trao xong thì nàng Da-Du-Đa-La tiến đến. Thái-tử giật-mình chưa bao giờ Ngài thấy một người đẹp đến thế. Nàng đi đến, vây bọc giữa một cái gì huyền-ảo và linh-dộng. Thân hình nàng đều-đặn và thanh-cao một cách lạ-lùng, hình như bao nhiêu vẻ xinh đẹp của đất trời đều hiệp vào đây để tạo nên một tuyệt-tác. Làn da hồng mịn thế kia có thể vi được với màu hồng mịn của da trời một buổi bình-minh. Hai mắt xanh ướt của nàng là hai hồ nước ngọc. Và tóc nàng, dưới làn lưới mỏng, gợn lên từng lượn sóng nhưng đều. Nàng khoan thai bước từng bước trong-giả, như đi vào một chỗ quen thân. Nàng đến trước mặt Thái-tử, hạ tay chấp tréo trước ngực, đầu cúi xuống trong

một giăng-diện thanh-cao để chào Ngai. Rồi, ngược đầu lên, nàng đứng thẳng lại, cổ cao ba ngón, lộ màu da hồng trên tấm áo trắng tinh. Hoa môi bùng nở như răng ngọc, ở đấy bay ra một giọng trong thanh như tiếng bát sứ cổ.

— « Thái-tử còn một vật gì để dành cho em ».

— « Hỡi người đẹp nhất trong những người đẹp, bao nhiêu bảo-vật đã hết rồi. Nhưng nàng hãy nhận vật này thế lại ».

Nói xong, Thái-tử mở chuỗi ngọc ở cổ Ngai, hai tay nắm vào hai đầu múi dây. Chuỗi ngọc xanh ngời, long lanh dưới muôn ánh nến, như một chuỗi hạt nước biếc rung rinh sấp gió ở dưới tay Ngai. Ngai đeo chuỗi ngọc vào cổ nàng tiên ấy. Nàng sung-sương như Thái-tử, cảm ơn ; Thái-tử nhìn lại, sung-sướng được ban ơn. Bốn mắt sáng ướt nhìn nhau, hai lòng giao-nối.....

...

Ngày mai lại, trong buổi triều, các quan trông-thuật với vua cuộc thi sắc đẹp và những giăng-diện của Thái-tử trước nàng Da-Du-Đa-La, con gái của Triều-Vương Thiện-Giác.

Nhà vua cười, phán bảo : « Thế là ta đã gặp được rồi ; bây giờ phải kiếm cách chi để nhử cho con phượng hoàng ấy ra khỏi mấy lằng mây xanh ».

Thế là Ngai truyền cho các quan đến đền nhà vua Thiện-Giác hỏi vợ cho Thái-tử, nhưng các quan buồn bã trở về đem theo một lời gằn như thử-thách của Thiện-Giác. « Theo tục-lệ nhà tôi, mỗi khi ai muốn đến hỏi con gái, phải thi võ nghệ. Trong những người đến dự thi, ai có tài hơn cả sẽ được vợ. Tục ấy không thể trừ cho một ai, dầu đấy là Hoàng tử Tất-Đạt-Đa ».

Vua Tịnh-Phạn nghe xong, lòng buồn dưới dưới.

Ngài biết con Ngài về văn-chương, triết-học, thì không một ai sánh kịp, nhưng con võ-nghệ thì làm sao thắng nổi những tay vô-dịch về tài bắn cung như Đề-bà-đạt-Đa, về tài cỡi ngựa như A-Du-Na, và về tài múa kiếm như Nan-Đà. Nhưng Thái-tử vẫn thân-nhiên, qui xuống-tâu vua: « Xin Phụ-vương đừng lo-ngại. Những môn võ-nghệ, cung tên con đều có học cả. Phụ-vương cứ truyền rao cho mọi người ai muốn thi tài võ-nghệ với con, hãy đến võ-trường mà dự. Con không hề mất vợ vì những chuyện làm-thương ấy ».

Bảy ngày sau, trên võ-trường, có cuộc thi võ mà giải thưởng nhất sẽ là công-chúa Da-Du. Ở đây, từ sáng sớm đã tề-tụ đủ cả các hạng người trong thành, từ những bậc vương-tước cho đến cùng dân. Công-chúa Da-Du cũng có dự. Nàng đi đến, trong đám rước cô dâu. Âm nhạc nàng lên từng bước chân ngựa; những rèm kiệu hoa-hòe phới phới tung lay; và đàn bò kéo xe, hệ vệ đi từng bước một, sợ làm rơi mất những vòng hoa rực-rỡ móc trên những cặp sừng vàng.

Các nhà dự-thi đều la gióng-dõi để-vương thân-thích với Thái-tử, và đều muốn hỏi Da-Du làm vợ. Đề-bà-đạt-Đa, A-Du-Na, Nan-Đà, Thái-tử Tất-đạt-Đa đến trên mình con ngựa Kiền-tắc. Kiền-tắc đưa ra những tiếng hí dài, vì chưa bao giờ nó quen với một đám đông như thế, và Thái-tử nhìn đám đông, ngạc-nhiên thấy rằng tuy khác địa-vị khác cách ăn-mặc, họ vẫn giống nhau trong những nét vui mừng.

Thái-tử nghĩ đến đây, bỗng có tiếng hô bắt đầu cuộc thi bắn. Nan-Đà nắm một chiếc cung và sai người đem đề một cái trống đồng xa 400 bước, A-Du-Na cũng làm thế. Trống của Đề-bà-đạt-Đa đề xa hơn, nhưng Tất-đạt-Đa chấp hết. Ngài bảo đem đề trống của mình rất xa, xa cho đến lúc nào mặt nó chỉ còn thấy nhỏ lại bằng con

ngheo. Mỗi người lần lượt bắn. Ba cái trống trước bị xuyên ba mũi tên, tiếng hoan-hô nổi dậy một góc trời. Đến lượt Tất-đạt-Đa nhắm bắn. Công chúa Da-Du hồi-hộp, kéo tấm lưới xuống quá mắt : nung e sợ mũi tên không trúng-dịch. Hoàng tử rút mạnh sợi giây, thanh cung uốn cong như một nhánh trúc yếu, hai đầu cung chụm lại, và gậy ngang trong tay Thái-tử. Ngài vất cung xuống và bảo : « Thứ cung này chỉ để cho con út chơi. Ở đây ai có chiếc cung nào tốt hơn thế nữa ? » Một người trong đám mách rằng ở đền Simbahanou có một cái cung bằng đồng đen-nặng lắm, chưa ai có thể trưng lên nổi. Ngài sai người đến mượn. Một chốc, hai tên lính m-hục mang cung về. Ngài nắm lên, rồi trao cho mọi người dự thi thử trước. Nhưng họ chỉ trưng ra nhiều nhứt là được một gang tay, rồi phải thả xuống. Thái-tử một tay đỡ lấy thanh cung, đưa thẳng ra đằng trước và tay kia kéo mạnh giây đồng. Ngài thả giây : một tiếng ngân dài, làm chuyển động cả không-gian như một tiếng chuông đồng. Những kẻ tàn tật không đi xem được cuộc thi, ở nhà nhìn nhau hỏi : « Tiếng gì lạ thế ? » Và có người biết chuyện trả lời : « Đây là tiếng giây cung mà Thái-tử Tất-đạt-Đa đang thử ». Sau khi thử giây cung, Thái-tử nắm một chiếc tên lấp vào giây, nhắm đích. Một tiếng ngân, một tia sáng vút xuyên, hai mắt trống đồng lừng.

Đến cuộc thi kiếm, Đê-hà-đạt-Đa trở tài trước. Chẳng cầm một thanh-kiếm, tìm một gốc cây to bằng một xoác người lớn phát ngang một lát, thân cây đứt thành hai đoạn. A-Du-Na lựa một cây to hơn, và Nan-Đà một cây to hơn nữa. Mỗi người chỉ chặt một lát là thân cây ngã gục. Nhưng hai cây rất to mọc song nhau. Tất-đạt-Đa nhẹ đưa một lát kiếm, nhanh như phóng một lần chớp và lạ thay, hai cây vẫn đứng vững ! Nan-Đà mừng rỡ reo lên : « A ! không đứt ». Công chúa Da-Du chỉ kịp đưa vào vai con

thị-tỳ cho khỏi gục ngã. Nhưng một cơn gió thoảng qua, hai cây cũng ngã lẫn ào xuống một lượt. Thì ra lát kiếm của Thái-tử quá bén và quá phẳng, nên hai thân cây tuy đã đứt ngang, vẫn còn giữ được mực thẳng bằng trên đôi gốc phẳng.

Cuộc đua ngựa tiếp theo. Ngựa phải chạy ba vòng quanh trường võ. Khi Nan-Đà, Đê-bà-đạt-Đa, A-Du-Na về tới đích vòng đầu thì ngựa của Tát-đạt-Đa còn một khoảng nữa mới hết vòng...thứ ba. Con Kiền-tắc chạy mau quá, người ta không nhìn rõ nó chạy hay bay, chỉ biết mỗi giọt nước miếng của nó từ mép rơi xuống-đất là nó chạy được ngàn sải. Nan-Đà vội kêu lên : « Không, với con ngựa như Kiền-tắc thì không ai địch nổi. Phải đem một con ngựa hết sức hung hăng ra đây, thử xem ai cưỡi được ».

Quân giữ ngựa đem ra một con ngựa đen như mực, hai mắt đỏ ngầu, mũi phồng to, bọt mép trắng cả hàm. Nó cứ trườn tới như chực bứt sợi giây buộc vào cổ mà chạy. Nan-Đà, rồi Đê-bà-đạt-Đa thay nhau mỗi người thử cỡi một lượt. Nhưng chưa ngồi yên được trên mình nó, đã bị nó hất xuống đất, mình mẩy lấm một lớp bụi và một lớp thẹn-thùng. A-Du-Na ngồi được trên mình ngựa một hồi. Chàng mở giây xích ở cổ ngựa, với tay bịt lấy hàm ngựa, hai chân thúc mạnh vào hông, con ngựa bực tức nhảy lộng lên một luồng gió bão : Nhưng bỗng nó đứng lại, hạ cổ xuống, bốn chân xiêu hẳn về đằng sau, và A-Du-Na chúi chào về phía trước đầu ngựa. Bọn kỵ mã hốt-hoảng chạy ra giữ con quái-vật lại và mọi người đồng-toanh kêu : « Hãy đem nó vào chuồng, đừng để Thái-tử Tát-đạt-Đa cỡi nữa ! Nguy-hiểm lắm ». Nhưng Thái-tử truyền giữ nó lại ; Ngài ung-dung bước ra, nắm vào bờm nó, miệng lẩm bẩm, vài lời dịu-ngọt, tay phải vuốt-ve từ đầu đến cổ, đến hông, và mọi người ngạc

nhìn thấy nó đứng yên, hiền-từ như đã quen với Thái-tử lắm. Ngài nhảy lên mình ngựa, ngựa khoan-thai đi nước kiệu trước những tiếng hoan-hô của khán-giả. Vua Thiện-Giác hấp-tấp chạy đến bên Thái-tử, nói với một giọng đứt quãng vì sung-sướng: « Chúng nầy cũng đủ thấy tài vô-dịch của Thái-tử rồi ! Thôi Ngài hãy nhận lấy viên ngọc quý của ta đi ! »

Trong lúc ấy, nàng Da-Du-Đà-La đứng đấy, nắm một vành hoa sừ, vén mảnh lưới đen viền vàng lên quá trán rồi đi đến phía Thái-tử. Tất-đạt-Đa nhảy xuống ngựa, oai phong như một tượng-thần, bộ áo võ trắng nổi vật bên cạnh sắc đen nháy của lông ngựa Da-Du cúi mình rất thấp trước Thái-tử, rồi nâng vành hoa lên đôi tay rung-rung vì cảm-động, nàng quỳ xuống trước chân Ngài, mắt ngước lên, cổ vươn cao trong một niềm khát-vọng tôn-thờ, những tia hạnh phúc bừng sáng trong đôi làn thu-thủy.

Thái-tử kéo nàng dậy, và tay trong tay, hai người tài sắc nhất của thành Ca-tỳ-la-Vệ, bước song song đi, uhip bước theo với nhịp của đôi lòng hòa-hiệp.....

VÔ-ĐÌNH-CƯỜNG



*Diễn-văn đọc trong nhip lễ mãn
khóa lớp học Phật-Pháp tháng 6
năm 2506 (1942)*

Bach Ngai Chứng-minh Toàn-ký,

Bach Ngai Trụ-Tri,

Kinh Ngai Chánh Hội-trưởng Tổng-trị-sự,

Kinh Cụ-Lớn,

Kinh Ngai Chánh Hội-trưởng Tỉnh-hội Thừa-thiên,

Kinh Quý Đạo-hữu.

*Một hôm kia, tôi không nhớ là hôm nào nữa, nhân
ngồi nói chuyện về tôn-giáo, ai nấy đều tán-thán sự bành-
trướng của các ngoại đạo và tỏ vẻ ái-ngại cho sự suy-
đi của đạo Phật. Tôi, một tín-dồ của đạo Phật, cũng
phải đau-đớn mà sống-nhân thể mà không giám mở miệng
ra bênh-vực cho đạo. Thực thế, nhìn lại lịch-sử đã từ
hai ngàn năm trăm năm, đạo Phật được biết nhiều ngày
vinh-quang rực-rỡ. Không nói gì hồi đức Thích Ca tại
thế, là hồi thế-giới Ta-bà giết mình, tỉnh giấc, dưới ánh
hào-quang chói lọi của Ngài, là hồi thế-giới rung động
dưới tiếng Từ-Bi của Ngài, sau khi Ngài tịch rồi, dưới
sự dlu dắt của các Bồ-Sư, Phật-Giáo từ khu vực sông
Hằng, lan truyền khắp Ấn-Độ, phía Nam xuống Tích-
Lan, Diên-Điền, Xiêm-La, rồi đến Lào, Cao-Mên, phía Bắc
vượt qua Hy Mã-Lạp-Sơn, thức-hình hàng trăm triệu dân
Tàu, rồi từ đó, một mặt tràn xuống phía nam liền nhiệm
vào óc dân Việt-Nam. một mặt vượt biển, đến gieo mầm
văn-minh ở Nhật-Bồn. Các vị Đại-Bồ Tát như ngài Mã-
Minh, ngài Long-Phọ, ngài Vô Trước, ngài Thế-Thân,
ngài Đại Ma, đều mỗi mỗi đánh thêm một tiếng chuông
Bát-Nhã, thức thêm quần-sanh mà-mười Tiếng chuông*

lan ra, mạnh mẽ và thâm-trầm, và đạo Phật như giọt
dầu ngày lan tràn ngày thêm rộng. Thời đại A Dục ở
Ấn-Độ, đời Đường ở Tàu, thời đại Khmer với lâu-đài
Bá-thiền để-tịch, thời đại Trần ở Việt-Nam vân vân.
đều là bao ngày sáng láng trong lịch Phật-Giáo. Ngày
nay, hồi-tưởng đến các thời-kỳ ấy, thực chẳng khác gì
lĩnh giốc-mộng hoàng-tướng, búi ngùi cho cái cảnh áo-
nũo hiện-dại. Rải rác khắp thôn-quê, những ngôi chùa sụp
đổ, rêu mốc mọc đầy, tuy có tượng Tam-bảo, nhưng sự
phụng thờ lại lạc lối, nên nào là thần, đồng bóng, đốt
vàng đốt mã, mê-lin dị đoan. Còn kẻ xuất-giáo, thì chân
đời trần-lục, chỉ muốn sống trong một nơi hẻo-lánh, xa
hẳn thế gian, không chịu lỗ chức để tu-lập. Một người
Nhật-Bản phê-bình, tình-hình Phật Giáo ở xứ ta, đã nói
một câu tuy hơi nghiêm khắc, song không phải là không
đúng: Đạo Phật ở Việt-Nam hình như không có!

Ta có nên kết-luận rằng, đạo Phật sẽ phải theo thời
gian mà tiêu-diệt như vạn pháp trong vũ-trụ hay sao?
Pháp-âm của đức Bân-Sư sẽ một ngày lu mờ chẳng?
Công-phu tu-lập nói pháp của Ngài, rồi đây sẽ ừng làm
ru? và chúng-sanh sau này sẽ mãi mãi xoay-vấn trong
lục-đạo hay sao? Xưa Lưu-Bang đánh Hạng-Vương,
thua hàng trăm trận, không nản-chí, chỉ tinh-liến mà
môt trận đặng thôn lĩnh thiên-hạ, thì ta có nên vì tình-
thế này, mà chần-nản sao? Ta hãy bình-tĩnh lại mà xét.
Thực ra thì tình-thế chưa đáng bi-quan như ta tưởng.
Này đây, trong chốn am thuyên, vị chân-tu trì chủ đương
phát ra muôn ngàn hào-quang, cảnh bức tượng cũ, bà già
niệm Phật đương gieo muôn ngàn niệm tốt. Bên kia đảo
Tích-Lan, ngài Narada, bên kia, nước Tàu, ngài Thái-Hư
đương nói lời Phật nói pháp. Và gần ta hơn nữa các
Phật-Hội nhóm lên, mong đặng trì chánh-pháp. Lòng ao
ước nghe diệu pháp hiền diệu-môn của chúng ta được thỏa-

mãn Hội Annam Phật-Học đã hy-sinh công của để mở ra lớp học Phật-Pháp này. Chúng tôi đây, người ở Bắc, kẻ ở Nam, khắp các tỉnh, đủ hết các hạng già trẻ, non, nớt hai mươi, lão thành 40, 50 lã-lược kéo về đây, mong được hiểu giáo-lý huyền-diệu.

Thưa các Ngài trong Tổng-Trị-Sự và trong Tỉnh-Hội, các Ngài đã không ngại tốn kém, phíền-phức, các Ngài đã hy-sinh thì-giờ, của cải, công việc, để tổ-chức nên lớp học này, thực chúng tôi không biết lấy gì mà cảm tạ

Thưa hai Ngài giảng-sư, hai Ngài đã g à nua, tuổi tác, hai Ngài không quản khó nhọc, để truyền-pháp cho chúng tôi, các Ngài đã gia-tám hộ-trì chánh-pháp, công-đức ấy, vô-biên vô lượng Chúng tôi đây học một tháng, tuy đối với pháp vô-lượng của chư Phật thì chưa biết được gì, song bước đầu mở lòng, đủ cho chúng tôi tự học, tự tu, thế đã là quý lắm rồi.

Bạch Thầy Trụ-trì, chúng tôi lấy làm ái-ngại vì lớp học này ôn-áo, làm mất cảnh thanh tịnh của chốn gia-lam, nhưng chúng tôi thấy Thầy hoan-hỷ luôn nên chúng tôi bớt lo-sự và lấy làm cảm mến đức Thầy.

Bạch Thầy Chứng-Minh, chúng con đã nhiều lần dõn ân Thầy chứng-minh cho công lu tập của chúng con. Trong buổi sơ phát-tâm, được Thầy chú-nguyện hộ-trì cho thêm vững lòng theo chánh-pháp, chúng con xin ghi nhớ ơn Thầy mãi mãi.

Các anh em nhân thân nan đắc, Phật pháp nan văn, chúng ta thật có nhiều nhân-duyên lắm, mới được học lớp Phật Pháp này. Ta chỉ thụ ân, ân các vị Chứng-Minh ân các Ngài giảng-sư, ân của Hội, mà luyệt-nhiên chưa có gì báo đáp lại, nào phải lời nói sống mà dựng trả ân ấy. Rồi đây chúng ta mỗi người chia tay mỗi ngả, chúng ta hãy thề cùng nhau, truyền bá chánh-đạo, người này

ở truyền-bá Phật-Pháp ở Gia-Đình, làng xóm, người
kia sẽ lo tổ chức hoặc chính đến ban Tịnh-Độ ở làng
mình, kẻ kia sẽ cùng các Tỉnh-Hội gom góp sức làm việc,
vì Phật đã dạy rằng : Theo đạo Ngài mà không truyền,
thì không phải là Phật-Tử.

Chúng ta vui mừng vì thấy Phật-Pháp đã lại lan-rộng
trong xã-hội Việt-Nam và trên hoàn-cầu. Trong chốn gia-
đình, các Phở sẽ gây mầm chánh-lin cho các con em.
Trong tiếng bập-bẹ Nam-Mô của em bé đã nảy ra dòng
lư trưởng trong sạch lớp lớp trong các làng mạc xa-xôi,
các ban Đồng-Ấu trong lúc vui chơi, trong các buổi đồng-
niệm, sẽ đưa theo làn ánh-sáng của diệu-pháp, đánh tan
dần bức màn mê-muội, bao phủ nhân-dân. Lại các bạn
trong đoàn Phật-Học Đức-Dục còn gắng học cao hơn nữa,
để hầu mong truyền-bá Phật-Pháp trong hàng tri-thức,
dưới sự dìu dắt của các vị trưởng-thành, các vị Đại-Đức
các bậc Tăng-già trong nước. Từ nhỏ đến lớn, từ kẻ chất-
phác đến bậc tri-thức, đều lần lượt được hào-quang chư
Phật soi đến. Các bậc Đại-Đức truyền-đạo cho người học
thức, người học-thức sẽ nối gót những người già cả, các
ban Đồng-Ấu được sự dạy dỗ của các anh Cả, chúng sẽ bầy
vẽ cho các em bé trong Gia đình, đợi ngày thêm tuổi lên
địa vị đàn anh, nhường chỗ lại cho các em sau này. Xem
như thế, thời đầu là Gia-Đình Phật-Hóa Phở, đầu Đồng-
Ấu, đầu là đoàn Phật-Học Đức-Dục, đầu là Cư-Sĩ, đầu
là Tăng-Già, duy danh-từ có khác, để chỉ một khuôn-khổ
làm việc khác nhau, chứ thật ra đều là Phật-tử, có trách
nhiệm tu-trì theo chánh-pháp, và tùy-lực truyền-bá Phật-
Pháp khắp mọi nơi. Tất cả mọi người đều phải phấn-
đầu nhiều, song không nản lòng nản chí. bao giờ cũng
tín lý nhân-quả cũng lìn ở tương-lai huy-hoàng. Chúng ta
cứ vững tâm vì nhờ các vị Đại-Đức, các bậc Tăng-Già
chân chánh, các bậc Tri-thức của Hội, Phật-Pháp sẽ mãi

mãi được duy-trì, dầu sóng gió phong ba, dầu gặp muôn ngàn nỗi khó khăn. Đời đời kiếp kiếp, nhờ sức phấn-dấu của Phật-Hội, nhờ tay lái của Tăng-già Đại-đức, pháp huyễn-vi càng ngày càng lan rộng, càng ngày càng ăn sâu vào tâm chúng-sanh, mỗi ngày mê-lắm lần lần dứt.

Xưa Phật truyền ngọn đèn pháp cho các vị Tỳ-Sư, Tỳ-Sư lại mỗi người chiếu ra hàng vạn ngọn khác, chúng ta đây được ánh-sáng của các Ngài. Hiện giờ mỗi người cầm một cây đèn, cây đèn ấy tuy yếu ớt nhỏ nhoi, ta cũng cứ hãy đem thắp muôn ngàn cây đèn khác, ngọn đèn này dứt, còn vạn ức ngọn khác, cứ thế, dầu trái quá số kiếp như cát sông Hằng, nếu còn chúng-sanh chưa giải-thoát, ta cứ thực-hành, lối truyền Pháp Vô-tận Hằng, mà Phật Tổ đã dạy trong kinh Duy-Ma-Cật.

Nam-mô Bản-Sư Thích-Ca Mâu-Ni Phật.



Diễn-văn đọc trong dịp lễ mãn
khóa lớp học Phật-Pháp tháng 6
năm 2506 (1942) (1)

Nam-mô Bản- Sư Thích-Ca Mâu-Ni Phật,

Kính bạch hai Ngài giảng-sư,

Thưa các Bạn,

Ngày hôm nay là ngày hội họp cuối cùng của chúng ta. Rồi đây, Thầy bạn mỗi người mỗi ngả, cái cảnh ly biệt, nếu không gọi nơi ta một ít búi-ngủ quyển-luyện, cũng không khỏi khiến ta trầm-ngâm suy-nghĩ và chiêm-nghiệm.

Trong giờ phút này, chúng tôi không cùng các bạn nhắc lại những cảnh êm-đềm, vui-vẻ, nay đã lui về quá khứ. Những buổi mai tinh sương cùng nhau thức dậy trong tiếng hát: « ca lên chim, vật-vờ vi sòn ngái ngủ, những thời niệm Phật trang-nghiêm, những buổi học tiếng năng, những giờ bữa-cải ăn-áo, nào-nhiệt, những bữa ăn thanh-đạm mà ngon-lành, mai sau đối với chúng ta chỉ sòn là những kỷ-niệm xa-xăm. Ta só nhớ đến chăng cũng chỉ để lòng thêm hăng-hái, đurs tinh-lần thêm vững-bền khi lên-tượng đến bao nhiêu người, rải-rás mọi nơi, đương cùng chúng ta chung lo một bôn-phận. Trước khi từ-giã nhau, tôi xin thay mặt các bạn nhắc lại bôn-phận ấy.

Trong một tháng nay dưới sự dìu-dắt tận-tâm của hai Ngài Giảng-sư, chúng ta đã sung-sướng nghe được pháp-âm nhiệm-mầu của Phật. « Nhân-thân nan đắc, Phật Pháp nan văn ». Nếu chúng ta ngày nay giải được bao khổ nghi-ngờ, vãng được lòng chánh-lin, ta chớ nên quên nghĩ đến số đạo-hữu rất đông đang lăm-lạc trong các đường lá, tin Phật mà chưa hề được nghe một lời của Phật. Bôn-phận của chúng ta là phải đem khổ sở-học li đời của mình ra giúp-đỡ những người ấy. Đuờc Pháp mình tuy le-lói cũng có thể đem thắp cho nhiều đuốc khác và

lại-liều quý báu cho công-việc lương-lai.

Vậy thì buổi chia tay hôm nay cũng là một buổi cùng nhau chia phần việc. Chúng ta hãy vui vẻ mà nhận phần việc ấy. Thay mặt lớp học « Lạc-Hóa » chúng tôi xin cầu chư Phật gia-hộ cho các bạn được đến vững chãi Bồ đề và cùng nhau hien một phần tái-ngộ.

Nam mô Thường-tinh-tấn Bồ-tát ma-ha-tát.

(1) Diển văn này đọc trong buổi tiệc-trà thân-mật giữa các vị giảng-sư và học-sanh.

LỚP HỌC PHẬT-PHÁP NĂM 1944

Lớp học Phật-Pháp năm 1944 sẽ mở từ 15 Juillet tới 15 Août tại chùa Từ-Đàm

A. Tư-cách học-sanh

1. Đoàn-viên thiết-hành hoặc tùy-hỷ Đoàn Phật-Học Đire-Duc.
2. Các Thanh-niên có bằng Cao-dẳng Tiểu-học trở lên (Dèpsei).
3. Các hội-viên, con cháu hội-viên Hội Phật-học và các Hướng-đạo sanh (đều học-lục từ tứ-niên trở lên).
4. Các ban-viên Ban Trị-Sự các Khuôn Tịnh-độ, Tỉnh-Hội.

B. Các hạng học-sanh

1. Học-sanh lưu-trú (chỉ có 30 chỗ, các học-sanh cũ và học-sanh ở ngoại-tỉnh về được nhận trước, nhớ gửi đơn về trước ngày 15 Juin).
2. Học-sanh ở lại ăn tối.
3. Học-sanh xin học 15 ngày.

C. Học phí

- | | |
|--------------------------------------|--------|
| 1. Học-sanh lưu-trú cả tháng đóng | 25\$00 |
| 2. Học-sanh ăn tối đóng | 12,00 |
| 3. Học-sanh ở ngoài : (a Học-sanh cũ | 2,00 |
| (b Học-sanh mới | 3,00 |

4. Học-sanh xin lưu-trú 15 ngày chỉ đóng nửa tiền.
Tiền học-phí gửi trước về theo với đơn xin học, và sau nếu thôi học nửa chừng, không hoàn lại tiền.

1. Mền gối, áo quần, khăn, đủ dùng.
2. Giấy bút nhỏ và tây (độ 5 quyển vở và 2 mảnh giấy).

E. Chương-trình học

1. Ôn lại các sách học năm 1943 : « Nhân-minh », « Duy-thức Dị-giản » và Thủ-lăng-Nghiêm.
2. Luận Bát-thức Qui-cũ.
3. Thành-duy-thức luận.
4. Đại-thừa Chỉ-quán.

G. Đơn và kỳ hạn nộp đơn

1. Đơn xin nhập-học gửi về T. T. S. Hội Annam Phật-học Huế trước ngày 15 Juin 1944, gửi mandat nộp học-phi theo đơn. Tuổi dưới 20 phải có giấy phép của cha mẹ. Hễ được nhập-học thì Hội sẽ viết thư trả lời.

H. Chương-trình học

- 1,15,7,44—1,8,44 : Nhân-minh (6 buổi) Thủ-lăng-Nghiêm (cả tháng),
Bát-thức qui-cũ (9 buổi), Thành duy-thức Đại-thừa Chỉ quán.
- 2,2,8,44 — 28,8,44 : Thủ-lăng-Nghiêm, Duy-thức Dị-giản (9 buổi),
Thành duy-thức, Đại-thừa Chỉ quán.

Chương-trình học hàng ngày

- Sáng** 6h00 : Dậy.
- 6h00-7h00 : tụng-niệm và tập số tức, hoặc Tịnh-niệm, hoặc quán-tưởng.
- 7h00-8h00 : Tập thể-thao, tắm.
- 8h20 : Cơm sáng.
- 9h00-10h00 : Học oa Nhân-minh, Duy-thức dị-giản, Bát-thức qui-cũ-tụng.
- 10h30 11h30 : Thủ-lăng-Nghiêm.
- 12h00 : Ăn trưa.
- Chiều** 1h00-5h00 : Thủ-lăng-Nghiêm.
- 6h00-8h00 : Thành-duy-thức, hoặc Đại-thừa Chỉ quán.
- 8h30-10h00 : Diễn-giảng và biện-luận.

(Chủ-nhật: Dàm-đạo hoặc đi chơi, Rằm và mồng một: Bát-quan-trai)

THƯ TÍN

Chúng tôi đã nhận được ngân-phiếu bưu-diên của quý ngài Độc-giả kê tên dưới đây :

M. M. Phạm-kế-Bình	Rạch giá	2\$00
Nguyễn-văn-Sửu	—	2.00
Mme Thuần	Cần-thơ	2.00
M. M. Võ tấn-Hiếu	Tuy-Hóa	6.00
Bùi-ngươn Nhung	Nam-kỳ	2.50
Nguyễn-khúc-Toản	Huế	2.50
Nguyễn-hữu-Tâm	Hanoi	2.00
Nguyễn-hữu-Thới	Cần-thơ	3.00
Võ-tri-Phước	Hà-tĩnh	10.80
Tỉnh-Hội P. H.	Thanh-bóa	30.00
Nguyễn-văn-Giục	Nam định	2.00
Đoàn văn-Nhân	Hà-dông	5.00
Đình-thái-Mậu	Cần-thơ	3.00
Nguyễn-hữu-Dư	Tân-an	1.00
Amicale Annamite	Paksé	2.50
Trần-chí-Tôn	Saigon	2.50
Trần-khai Quang	Qui-nhon	5.00
Trần-văn-Giác	Trà vinh	2.50
Nguyễn-văn-Tông	Pnompenh	2.00
Tỉnh-Hội P. H.	Thanh bóa	12.00
Hòa-Giai	Quảng-trị	2.50
Phan-xuân-Dương	Hà tĩnh	5.00
Nguyễn-văn Sắt	Rạch giá	4.00
Tỉnh-Hội P. H.	Phú-yên	15.00
Chi-Hội Hòa-Vang	Q Nam	10.00
Tỉnh-Hội P. H.	Dalat	120.00
Mme Lâm-quang-Viên	T.-Vinh	2.00
— Lâm-quang-Thống	—	2.00

Chúng tôi xin có lời cảm ơn chư-quý độc-giả và sẽ xin tiếp tục gửi nguyệt-san

Autorisé : « publication créée antérieurement à la loi du 13 Décembre 1941. »

Imp. du ĐUỐC-TUỆ 73, Richaud. — Hanoi Tirage Exemplaies
 Imp. D. T. Hanoi Gerant PHAM-VAN-VI